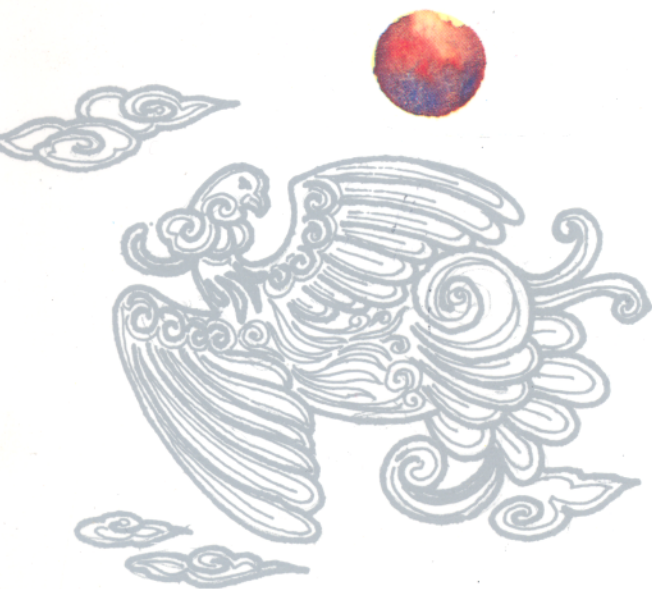


THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

THƠ

NGÔ THÌ NHÂM



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC
KIỀU VĂN
(*tuyển chọn*)

Thơ

Ngô Thì Nhậm

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
2000

Cùng bạn đọc,

Ngô Thì Nhậm (1745 – 1803) là một “Sĩ phu Bắc Hà” kiệt xuất (người làng Tả Thanh Oai, Hà Đông), đỗ tiến sĩ năm 1776. Ông từng làm quan dưới thời Lê mạt, nhưng ngôi sao Ngô Thì Nhậm chỉ thực sự bùng sáng rực rỡ khi ông được gặp gỡ người anh hùng Nguyễn Huệ, tựa như Lã Vọng gặp Chu Văn Vương thuở trước.

Với khối óc mẫn tuệ phi thường, Ngô Thì Nhậm mau lẹ nhận chân được chân lí của thời đại mình:

Nguyễn Huệ chính là người anh hùng, là bậc minh quân của dân tộc. Đó là mẫu người “anh hùng áo vải”, từ nhân dân mà ra, nhưng đã kết tinh được toàn bộ tinh hoa của dân tộc và trở thành biểu tượng cao nhất của dân tộc thời đại bấy giờ.

Triều đại Tây Sơn tiến bộ hơn, tất yếu sẽ thay thế cho triều đại Lê – Trịnh đã đến kì mạt vận.

Tiêu chuẩn cao nhất đối với một sĩ phu chân chính là phải xác định rõ con đường mình phải

đi (từ bỏ cái gì, theo cái gì?) và làm gì để cống hiến nhiều nhất cho dân tộc mình?

Tư duy của Ngô Thì Nhậm rất chuẩn xác, do đó hành động của ông trong cả cuộc đời cũng hoàn toàn chuẩn xác. Ông là mẫu mực cao nhất của một trí thức chân chính thời đại Tây Sơn.

Những đóng góp của ông cho người anh hùng Nguyễn Huệ (cũng là cho đất nước) rất đáng kể, cả về chính trị, ngoại giao lẫn quân sự. Ông đã bổ khuyết những chỗ thiếu hụt của Quang Trung (do nhà vua xuất thân từ tầng lớp bình dân, không thể có được vốn học vấn uyên bác như ông). Có thể nói, sức mạnh anh hùng vô song của Nguyễn Huệ cộng với trí tuệ viên mãn của Ngô Thì Nhậm là những nhân tố cực kì quan trọng khiến triều đại Tây Sơn đạt tới đỉnh cao hiển hách, đã làm cho triều đình nhà Thanh vô cùng vị nể.

Tài năng của Ngô Thì Nhậm còn được thể hiện rõ nét ở một bình diện khác: Ông là một thi nhân đích thực, chủ nhân của một gia tài văn chương đồ sộ: 600 bài thơ và 15 tác phẩm lớn.

Phan Huy Ích đã nhận định về ông: "Tài uyên bác thông đạt, trở thành ngọn cờ chót vót

giữa rừng nho chúng ta".

Thơ Ngô Thi Nhậm bao hàm nhiều mảng đề tài:

Những bài thơ tức cảnh cho thấy ông có khả năng chớp bắt cái THẦN của mỗi đối tượng ông mô tả. Ví dụ chỉ với hai câu thơ:

*Khinh tuyết, ngạo sương, riêng bấm tính
Khuôn thiêng khéo đã đúc nên dày.*

đã khắc họa một ấn tượng mạnh về cốt cách của "cây tùng đơn lẻ" -- ngụ ý ca tụng cốt cách của một đấng trượng phu chân chính.

Trong những bài thơ "ngôn chí", thơ "tư tưởng", ông trình bày những tư tưởng của một trí thức ở tầm cao của lịch sử, nêu bật những gì ông chấp nhận và những gì ông phủ nhận không khoan nhượng. Chẳng hạn, xét thời vua Lê -- chúa Trịnh -- chúa Nguyễn, ông viết:

*Vua -- tôi đứng sừng ba chân vạc,
Ông, tể (ông nhạc, chàng rể) hằn nhau,
nửa cuộc cờ!*

*... Cương thường muôn thuở còn bia miệng,
Hổ chọi, rồng tranh khéo về trò!*

Trong những bài thơ vịnh nhân vật lịch sử, ông bộc lộ những tình cảm khâm phục, thương

xót... của mình với người xưa: Gia Cát Lượng, Giả Nghị, Nhạc Phi, Chiêu Quân, Văn Thiên Tường, Tô Đông Pha... Có thể dễ dàng nhận thấy ông đang làm một cuộc "ôn cố nhi tri tân" mà ông tâm đắc.

Mảng thơ vô cùng quý giá của Ngô Thì Nhậm là mảng thơ trữ tình, ở đó tình cảm đầy ắp của ông như tuôn trào dưới ngòi bút. Chẳng hạn, trên đường đi sứ Trung Hoa, gặp ngày sinh nhật của cha (Ngô Thì Sĩ), nhớ đến cha đã mất, ông viết:

Xa xa xe hạc cách mây,
Lấy ai rượu thộ chén đầy dâng cha?
Rau thơm dâu cả ở nhà
Vắng tin mai nở, sứ xa cội ngoài...

Ngoài thơ, Ngô Thì Nhậm còn viết phú, và những bài "chiếu" làm thay vua Quang Trung, (như Nguyễn Trãi xưa viết thay Lê Lợi) mà người ta thấy ông đã lồng không ít những ý tưởng của ông trong đó: Chiếu lên ngôi vua (1788), Chiếu cầu hiền v.v...

Có lẽ điều đáng tiếc nhất trong văn nghiệp của Ngô Thì Nhậm là ông đã không chú tâm sáng tác "thơ Nôm", nên thơ dân tộc mà những bậc tiền bối như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông,

Nguyễn Bình Khiêm... đã dày công vun đắp. Tuyển chọn một số thi phẩm tiêu biểu viết bằng Hán văn của Ngô Thì Nhậm, được các dịch giả am tường Hán học dịch thành thơ Việt Nam, chúng tôi mong chuyển tải đến quý độc giả cái hơi thở nồng nàn của tâm hồn và trí tuệ một đấng sĩ phu kiệt xuất nửa cuối thế kỉ XVIII mà tấm lòng son của ông còn rạng rỡ mãi với sử xanh...

Thành phố Hồ Chí Minh tháng 6-1999

KIỀU VĂN

Cô châu

*Nhân nghĩa vị cao, trung tín đà,
Niên niên phiếm tác Đẩu quang xa.
Tiên nguyên bất dụng thiên tao phóng,
Phật hải hà phương nhất điệp qua.
Tái đạo khứ lai, nhân áp lãng,
Bình tâm hành chỉ, đẳng doanh khoa.
Tế xuyên dĩ cụ Thương Nham tiếp,
Thả thính ngư nhi khuyến tửu ca.*

Dịch thơ:

Con thuyền đơn lẻ

Sào ngĩa chèo trung, lái sẵn đà,
 Bè giông sao Đẩu ⁽¹⁾ bến trời xa.
 Nguồn Tiên lọ phải nghìn thuyền rồi,
 Biển Phật cầm như một mái qua.
 Đạo chỗ đây khoang, càn sóng cả,
 Nước chờ ngoi vũng, vũng lòng ta.
 Sang sông sẵn có chèo ông Phó ⁽²⁾,
 Mời rượu nghe chài cất giọng ca.

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

-
- (1) Tương truyền Trương Khiên đời Hán đi tìm nơi phát nguyên của sông Hà, đã giông bè lên tận vùng sao Đẩu, sao Ngưu ở sông Ngân Hà. Tác giả ngụ ý nói chí khí lớn lao muốn hành đạo giúp đời của mình.
- (2) Phó Duyệt, một người vốn làm nghề đắp đất, sau được vua Cao Tông vời làm tướng, có công lớn giúp nghiệp trung hưng của nhà 'An.

Cô tòng

*Đình đình đặc lập tuế hàn thân,
Hảo tự Hi hoàng dĩ thượng nhân.
Loa kế phạm vương trường độ linh,
Kê bì tiên tẩu kiện đẳng vân.
Xuân hồi lạc cộng mai sinh tử,
Thu tinh hoan yêu quế tác tân.
Ngạo tận tuyệt sương hoàn tự tín,
Hồng quân phú dữ bất vi bần.*

Dịch thơ:

Cây tùng đơn lẻ

*Ba đông giá rét, một chồi cây,
Người thuở Hi hoàng ⁽¹⁾ hóa lại đây.
Bụt tóc ốc dâu ⁽²⁾, đang vượt núi,
Tiên da gà nọ ⁽³⁾, muốn tung mây.
Duyên mai xuân tới sinh nòi giống,
Nghĩa quế thu sang kết bạn bầu.
Khinh tuyết ngạo sương, riêng bấm tính,
Khuôn thiêng khéo đã đúc nên dày.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Hi hoàng: Vua Phục Hi đời thượng cổ Trung Hoa, tượng trưng cho khí tiết cao thượng của bậc thánh nhân.

(1) Lá cây tùng xoắn như tóc Bụt (bụt ốc).

(3) Vỏ cây tùng sù sì như da gà (da nhẵn nheo của vị lão tiên)

Giang thiên vân thiếu

*Vạn khoảnh yên ba tấm Bích liên,
Bình phân sơn sắc hốt du nhiên.
Thương mang vọng ngoại trùng sơn nhạc,
Khiết ánh hồ trung nhất thủy thiên.
Đào độ phong cao ngư phố dịch.
Hàn sa nguyệt đậm viễn thôn yên.
Thanh quang nhân khoát nùng ngâm hứng,
Bán bức vân hà lạc chiếu biên.*

Dịch thơ:

Ngắm cảnh trời nước buổi chiều

*Sen xanh đầm sóng, ngát muôn vùng,
Ngang vạch sườn non, nét thoáng trông.
Đôi núi sắp thành bao lớp thẳm,
Nước trời thu cả một bầu trong.
Sáo chài vắng gió, dào tươi bến,
Tre xóm mờ trăng, cát giải sông.
Ngắm cảnh thiên nhiên, thơ đượm hứng,
Chân trời lơ lửng ánh mây hồng.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

Nhưê giang tịch phẩm

*Kim niên du thắng tịch niên du,
Thu tịch, thu thiên, ổn phẩm thu.
Tĩnh thủy nhất điều trương tổ luyện,
Sơ tình kỉ điểm ánh cô chu.
Tà dương cổ thụ kim quang xạ,
Hàn chủ ngư đăng diễm ảnh phù.
“Bất dạ” lâu đài hà xứ phóng,
“Linh đài” phương thốn hữu chân tu.*

Dịch thơ:

Chơi đêm trên sông Nhuệ⁽¹⁾

*Cảnh đạo thu nay hứng thú nhiều,
Trời thanh mây tĩnh, nước êm chiều,
Một làn sông phẳng, giăng dòng lụa,
Mấy chấm sao thưa, ánh mái chèo.
Bóng ác lùm cây, tia rọi lại,
Đèn ngư bến nước, sóng gợn theo.
Cái lầu “bất dạ”⁽²⁾ tìm đâu tá,
Nay côi “linh đài”⁽³⁾ tỏa sáng bao!*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Sông Nhuệ thuộc Hà Đông (tỉnh Hà Tây ngày nay)

(2) Lầu “bất dạ”: lầu không có đèn – do Lai tử nước Tề xây nên (nơi đó mặt trời không lặn ban đêm).

(3) Linh đài: đài thiêng, chỉ tâm hồn, trái tim con người. Tác giả không thấy có cái lầu nào tỏa sáng trong đêm mà chỉ thấy có vầng sáng trong chính tâm hồn mình.

Vân môn tự

*Xuân thiên huê thủ đảo Vân Môn,
Nhất tọa thiên lâm tĩnh lục côn (căn).
Uyển tảo dài phong tăng bất tại,
Sài phi vũ lạc Phật vô ngôn.
Bán văn bất trị hủ hồng viện,
Bát tự không mê yên thủy thôn.
Nhân tình dạ thâm đa thiếu khách,
Khả năng tuệ nhân chiếu quai côn.*

Dịch thơ:

Chùa Vân Môn

*Dạo cảnh chùa Vân ⁽¹⁾ buổi đẹp trời,
Rừng thiền thanh tĩnh vốn là nơi.
Rêu phong bấp oản, sù xa bước,
Mưa hắt hiên tre, bụi lặng lời.
Giá chẳng nửa đồng, chùa đổ nát,
Sông phân đôi nhánh, xóm mù khơi.
Lui tới canh khuya bày trộm cướp,
Phật còn mắt tuệ hãy nhìn coi ⁽²⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Chùa Vân Môn ở huyện Vũ Thư (Thái Bình)

(2) Tác giả tả chân ngôi chùa đổ nát, trở thành nơi tụ tập của bọn trộm cướp để ngụ ý nói đến một thời đại suy tàn trầm trọng (thời Lê - Trịnh đang bước vào mặt vắn).

Thạch Long tuyền

*Thái Nguyên tây thượng trĩ thiên phong,
Nhất phái thanh tuyền dục thạch long.
Bàn Cổ dĩ lai đầu giác lão,
Trường lưu tự thử thảo nha hùng.
Thủy sơn yểm ánh dương quang xứ,
Phong nguyệt thu tàng đại xảo trung.
Phẩm tảo tự tông minh kính chiếu,
Ngũ vân dục hướng cận thần phong.*

Dịch thơ:

Suối Thạch Long⁽¹⁾

*Phía tây tỉnh Thái núi trùng trùng,
Rồng đá vươn mình giữa suối trong.
Sinh thuở ông Bàn ⁽²⁾, sừng sỏ cứng,
Tắm dòng nước bạc, vuốt nanh hùng.
Giang sơn rạng ánh hào quang đẹp,
Trắng gió dành kho kĩ xảo chung.
Từ có phẩm đề gương rọi sáng,
Chầu vua, rồng muốn tới đền phong ⁽³⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Suối ở giáp giới Thái Nguyên – Tuyên Quang, trong suối có tảng đá hình rồng.

(2) Bàn Cổ: Thủy tổ loài người (truyền thuyết Trung Hoa)

(3) Đền phong: Điện của vua, thường trồng cây phong.

Cổ miếu

*Hà đại hoang từ bán dĩ đời,
Đoạn bi vô tự ý không giai.
Thạch lô lãnh lạc điền thanh thảo,
Họa bích điêu linh ế lục đài.
Cổ thụ tịch dương cầm điệu loạn,
Không sơn dạ vũ quỷ thần ai.
Nghĩ tầm di tích vô nhân đáo,
Thời hữu phi vân khứ hựu lai.*

Dịch thơ:

Miếu cổ

*Ngôi miếu hoang tàn trải bấy nay,
Tấm bia mờ chữ đổ nằm đây.
Lổ loang tường vẽ, rêu phong khắp,
Lạnh lẽo lò hương, cỏ mọc đầy.
Quỉ khóc mưa đêm, rầu hốc núi,
Chim kêu bóng xế, rộn lùm cây.
Muốn tìm dấu cũ, tìm ai hỏi,
Bay lại, bay qua, mấy đám mây ⁽¹⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Bài thơ tả cảnh điêu tàn của ngôi miếu cổ, hàm ý miêu tả cảnh suy đồi thê thảm của triều đại phong kiến đương thời.

Cổ tự

*Tầng lầu duyệt lịch kỉ tình sương,
Thắng cảnh u Khê dĩ bán hoang.
Trai tảo yên tiêu xuân thảo mậu,
Hoa giai lộ lãnh cốc phong lương.
Nhiều lâm linh thuốc y hàn thụ,
Khẩu án bần tăng xỉ diểu hương.
Thiên cổ liêu liêu di tích tại,
Triều dương quá liễu hựu tà dương.*

Dịch thơ:

Chùa cổ

*Tầng lầu dầu dãi mấy tình sương,
Thắt cảnh còn đây ngọn suối hoang!
Thềm gạch gió lùa, hơi lạnh lẽo,
Bếp chay cỏ mọc, dấu mơ màng.
Liêng rừng, chim thước tìm nương bụi,
Lẽ án, sư già lặng đốt hương.
Di tích nghìn xưa coi vắng vẻ,
Triều dương dãi bóng, lại tà dương ⁽¹⁾!*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Bài thơ này cũng mang phong vị “cảm thân thời đại điêu tàn” như bài trước.

Giáng Hương

*Tái thế nhân duyên nghi tặc hoàn,
Tiên trần lộ quỳnh khước vô đoan.
Ngọc tiêu hưởng tận, thương phi phượng,
Bích động dài thâm, trướng biệt loan.
Đáo để anh tài đa mãnh lãng,
Do lai tiên tử nại u nhân.
Thùy thông quỳnh đảo ngư thư sứ:
Kim mã đường trung hữu mẫu dân.*

Dịch thơ:

Nàng Giáng Hương ⁽¹⁾

*Duyên xưa dở mối, nguyện duyên sau,
Xót nỗi tiên trần nẻo cách nhau.
Sáo ngọc tiếng ngừng, lầu phượng nào,
Động đào rêu phủ, bóng loan sầu.
Tài hoa khách vốn tình mang nặng,
U hận nàng sao cảnh chịu rầu !
Quỳnh đảo ai đưa thư cá tới:
Mẫu đơn chùa huyện vẫn tươi màu.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Giáng Hương: Nàng tiên trong truyện "Truyện kì mạn lục", giáng trần dự hội chùa ở Bắc Ninh, lỡ tay vịn gãy một cành hoa mẫu đơn bị nhà chùa bắt đền. Từ Thức thấy vậy cởi áo cừu đền giúp Giáng Hương. Sau Từ Thức cáo quan, đi du chơi ở cửa biển Thần Phù, gặp lại Giáng Hương, kết nghĩa vợ chồng. Bài thơ tả nỗi buồn của Giáng Hương khi Từ Thức trở về trần.

Đình tiền trì ngẫu hứng

*Thiên trì bán khoảnh bất doanh khoa,
Hảo tiểu phong lai lân tác ba.
Thủy vị thường đình, ngư tự dật,
Đường nhân hữu yển, thảo thiên đa.
Tĩnh ư kiến thú hà nhân thức,
Túy đáo vong cơ ngã nại hà.
Tự tín như cừ vô hiểm trở,
Niên niên hồ hải bão phàm qua.*

Dịch thơ:

**Ngẫu hứng về
cái ao trước sân**

*Một vốc không đầy nửa mảnh ao,
Nực cười gió thổi sóng buồn xao.
Cá tung tăng, nước quanh năm lặng,
Cỏ tốt tươi, bờ bốn mặt cao.
Nào kẻ tỉnh khi vui thú nhĩ?
Để mình say đến mặc đời sao?
Vĩ không gì hiểm như ao đó,
Hồ biển năm năm rộng mái chèo.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

Phong Phạn tự tị vũ

*Tị vũ Phong Phạn tự,
Tặng sài liệu khách y.
Thiên sàng vô chương ngại,
Phật hỏa diệt từ bi.
Hồng linh cửu thập đỉnh,
Lam giang phân tam kì.
Xa mã vãng lai thực,
Huyền môn giải cấu hi.
Bán nhật thâm nhân thoại,
Phù sinh lạc khả tri.
Đăng trình lưu nhất bút,
Hảo kí Trúc Lâm si (sư).*

Dịch thơ:

Trú mưa ở Chùa Phong Phạn

Vào chùa Phong Phạn ⁽¹⁾ tránh mưa,
 Áo trần hây mượn củi chùa hơ qua.
 Giường sư chướng ngại chi mà,
 Ai hay lửa Phật cũng là từ bi.
 Núi Hồng ⁽²⁾ chín chín ngọn kia,
 Sông Lam một dải cũng chia ba đường.
 Ngựa xe đi lại ngày thường,
 Mấy khi được dịp bén màng cửa Không.
 Nửa ngày trò chuyện ung dung,
 Cuộc phù sinh cũng hã lòng bấy nay.
 Ra đi để lại bài này,
 Cây ai gửi giúp tới thầy Trúc Lâm.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Chùa Phong Phạn ở hữu ngạn sông Lam (Hà Tĩnh)

(2) Núi Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh)

Quá Chu Văn Công miếu hữu hoài

*Ánh chiếu sơn đầu đàm thủy mi,
Phong quang bất cải thái bình thì.
Dân gia tác tức Hào ngư lạc,
Thế cục thăng trầm dã điệu phi.
Đề kiếm tu du thù mãnh lãng,
Quả quan vãng sự thượng y hi.
Hộ chu nghi trúc Liên phong thất,
Ẩn ước cam hàn bạng liễu ti.*

Dịch thơ:

Qua miếu Chu Văn Công ⁽¹⁾ cảm hoài

*Đầu non rọi bóng bến đầm trong,
Cảnh thái bình xưa rộn mắt trông.
Sinh hoạt nhà dân vui cá lạch,
Thắng trầm cuộc thế liệng chim đồng.
Đeo gươm một dịp thăm ngôi miếu,
Treo mũ nghìn xưa mộ tấm lòng,
Đỉnh núi Liên Hoa nhà dựng đó,
Xanh xanh khe nước liễu buông dòng.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Chu Văn An, thời Trần, tác giả "Thất trảm sớ".

Nhàn thuật

*Lũ để nhàn dư trú yếm phi,
Thôi khao tiêu khiển sổ chương thi.
Gia hương kang cát bằng lai giản,
Thân thể ưu ngu vấn điệp thi.
Tự hải hầu môn hi túc đáo.
Như băng hoan vị chỉ tâm tri.
Kỉ hành tuyết mấn tranh mai bạch,
Hà nhật Hoa sơn túng mã qui.*

Dịch thơ:

Thuật cảnh nhàn

Quán khách ngồi dưng khép cổng rào,
Mấy bài thơ hứng những thôi khao⁽¹⁾.
Tìn nhà chắc ở phong thư tới,
Cuộc thế chờ xem quả bói gieo.
Cảnh hoạn tựa băng riêng bụng biết,
Cửa hầu như bể ít khi vào⁽²⁾.
Mấy chòm tóc bạc hoa mai điểm,
Thả ngựa Hoa sơn biết thuở nào⁽³⁾.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) thôi khao: dẫn đo chọn chữ khi làm thơ văn.

(2) Cửa hầu (hầu môn): cửa quyền quý. Tác giả vốn “kị” chốn này (của lũ vua quan thối nát).

(3) Bài thơ cho thấy tâm sự của tác giả thời “vị ngộ”.

Nguyệt dạ ngâm

Bích thụ đình trừ nguyệt sắc thâm,
Đồng long tế trích đầu thanh trầm.
Gia hương thiên lí nan thành mộng,
Vân vật tam canh dị xúc ngâm.
Vị liễu tham sân tiền quả chướng,
Không lao danh lợi thử sinh tâm.
Hà thời vũ khố cao cung thử,
Hạc cốt, sương đề phản cố lâm.

Dịch thơ:

Ngâm đêm trăng

*Cây biếc in sân nguyệt rọi tà,
Giọt rồng thánh thót, đầu ⁽¹⁾ chìm xa.
Nhớ quê muôn dặm khôn thành giấc,
Ngắm cảnh thâm canh rộn tử thơ.
Quả ⁽²⁾ trước tham sân chưa sạch chướng,
Kiếp này danh lợi nhọc vương tơ.
Bao giờ kho vũ cung tên xếp ⁽³⁾,
Vóc hạc quay về với núi xưa.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) đầu: điều đầu, một dụng cụ của binh lính thời xưa, vừa dùng làm đồ nấu ăn, vừa làm chuông gõ để báo tín hiệu canh gác.

(2) quả: quả nghiệp, tội nợ.

(3) Tác giả mơ ước cảnh đất nước thái bình.

Hữu sở tư

*Nhàn ngoạn tiền biên hữu sở tư (tư)
Xuân thu khí vận tối kham bi.
Chủ thần tác đối, tam phân đỉnh,
Ông tế thành cừ, bán cục kì.
Đế bá dĩ tùy Chu, Tấn cố,
Giang sơn bất cải Lí, Trần thì.
Cương trù vạn cổ tồn công án,
Hổ đấu, long tranh mạn sinh uy,*

Dịch thơ:

Có điều suy nghĩ

Mở sử xanh xem luống thần thờ,
 Vận đời suy kém nghĩ buồn chưa?
 Vua tôi đứng sững ba chân vạc ⁽¹⁾,
 Ông tể hằn nhau nửa cuộc cờ ⁽²⁾.
 Cơ nghiệp y như Chu, Tấn trước ⁽³⁾,
 Non sông không khác Lí, Trần xưa.
 Cương thường muôn thuở còn bia miệng,
 Hồ chọi, rồng tranh khéo vẽ trò ⁽⁴⁾.

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Túc thế chống chọi nhau của ba triều đình Lê – Trịnh – Nguyễn.

(2) Ông (bố vợ) chỉ họ Nguyễn (Nguyễn Kim), tể (con rể) chỉ họ Trịnh (Trịnh Kiểm): hai họ thù địch nhau gây chiến tranh Trịnh Nguyễn kéo dài 200 năm.

(3) Đời Xuân Thu, Tấn mượn việc tôn Chu để tiến quyền.

(4) Tác giả bộc lộ quan điểm của mình, phản đối tấn hài kịch lịch sử diễn ra đương thời.

Xuân ngâm

Dã ngoại hữu phàm điều,
Loạn khiếu: kí lão đao.
Hiên trung hữu ban cưu,
Trường minh: hoài thủ đô!
Vấn nễ hoài đô, hoài phú quý,
Cơ bão tùy nhân hà đắc ý.
Tiển cử lão đao, đao điền viên,
Cao tường do ngã trường hân phiên.
Nhân sinh tại thế tam vạn lục thiên nhật,
Thiền hoa tự tiển, đẳng nhân bạch liễu thiếu
niên đầu.
Bất tri dã ngoại ngư hà hảo,
Thiên hướng hiên trung túc mễ cầu.

Quân bất kiến:

*Ban cứu trường minh ngẫu dục trác,
Cựu chủ hoan hân tân chủ bạc.*

Hữu bất kiến:

*Phàm điều loạn khiếu hốt cao phi,
Túng hữu tăng chúc hà sở thi.
Khuyến quân thả phủ Uyên Minh cầm.
Đình tiền oanh yến giai tri âm.
Nguyện cấp nam minh bất trọc thủy,
Vị quân tẩy nhiễm thư hao chỉ:
Nhân gian lạc sự cánh hà như,
Danh giáo cương thường nhi dĩ hĩ.*

Dịch thơ :

Khúc ngâm ngày xuân

*Đồng xa có cái chim trời,
Nó kêu rằng: Đã tới thời già nua.
Trước hiên có cái chim cu,
Nó kêu rằng: Nhớ cố đô nào nùng.
Nhớ đô, hay những nhớ mong,
Giàu sang khao khát nặng lòng chưa vơi?
Đói no trông cậy cửa người,
Tự do chẳng có mong hoài mà chi!
Tuổi già nhớ cảnh làng quê,
Khen chim trời biết tìm về điền viên.
Bao la non nước dặm nghìn,
Lượn bay mặc sức, lọ phiền mảy may.
Kiếp: ba vạn sáu nghìn ngày,
Bóng thiếu như bóng tên bay bay vào.*

Làn lừa ngày tháng trôi theo,
 Tóc xanh để lụy mái đầu sương pha.
 Chẳng tìm tôm cá đồng xa,
 Thóc xin gạo muốn bê tha của người.
 Anh xem, cu gáy kêu hoài,
 Chẳng qua những muốn chờ mồi đợi ăn.
 Vốn xưa chủ cũ ân cần.
 Mà nay chủ mới tình dần bạc phai.
 Kìa anh xem cái chim trời,
 Kêu xong chấp cánh tuyệt vời cao bay.
 Mặc cho nỏ cứng căng dây,
 Nhỡn nhơ chẳng ngại thân này xem không.
 Cung cầm nỏ gót Đào công⁽¹⁾,
 Trước sân hôm sớm bạn cùng yến oanh.
 Tôi xin gánh nước Nam minh,
 Rửa nghiên, chọn giấy vì anh đề lời.
 Việc đời chi đó là vui,
 Cương thường danh giáo đạo người là hơn.

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) Đào Uyên Minh (đời Tấn) rất yêu đàn cầm mặc dù không biết gảy

Khiển hoài

*Thân như kinh diệu thâm vân lí,
Tâm tự ngu ngu mạn thủy trung.
Hàn thủy tùy triều khan diệu đĩnh.
Sơ viên đối nguyệt bạn thư đồng.
Cơ sầu đích tận ba tiêu vũ,
Lãn mộng khao tàn dương liễu phong.
Tối thị giải phì kham hạ tửu,
Bất phương đoán cát khiếu thôn ông.*

Dịch thơ:

Khuây lòng

Khiếp sợ đường chim nọ,
 Từng mây nấu kín hình.
 Ngây ngô tựa cá kia,
 Lờ lững trôi trong ghềnh.
 Ngày xem thuyền câu cá,
 Theo ngọn triều lênh dênh.
 Đêm ngắm trăng vườn trống,
 Thư đồng (1) ngồi gần quanh.
 Tàu tiêu mưa rả rích,
 Sầu hận lắng thâu canh.
 Cành dương xào xạc gió,
 Chìm lịm mộng khôn đành.
 Rượu ngon cần món nhắm,
 May có con cua kènh.
 Vội đón ông hàng xóm,
 Sang đánh chén với mình.

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Trò nhỏ

Hoài nội

I

*Hối bất dương sơ hạp dữ canh,
Toại nhân phú quý lụy khuê khanh.
Lí nguy sỉ ngã tiền phiên ngộ,
Huề ấu liên quân thử nhật hành.
Kim kính quả hiên thu bát nguyệt,
Ngân hà đương hộ dạ tam canh.
“Qui Huề” mĩ khánh Xuân thu nghĩa,
Tối thị tương quan nhất phiến tình.*

Dịch thơ:

Nhớ vợ

I

*Hối chẳng cùng vui cảnh ruộng đồng,
Đỉnh chung để lụy khách khuê phòng.
Ta lâm chân tới, đường gai góc,
Nàng dắt con đi, bước ngại ngừng.
Cung Quảng thu rầu trắng trước mái,
Ghềnh Ngân đêm nảo bóng bên song,
“Về Huê” ⁽¹⁾ trợn nghĩa, theo Kinh cũ,
Hai chữ tình chung tạc tác lòng.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) “Qui Huê”: Nàng Thúc Cơ (vợ vua Kỉ đời Xuân Thu) trải qua hoạn nạn, lại về đất Huê (quê chồng) phụng thờ tổ tiên nhà chồng.

II

*Khử quốc vong thân thù tự ngã,
Ưu gia lệnh phụ thiếu như khanh.
Vân sơn nhất tính do tương tự,
Thạch thất tam niên diệt tịnh hành.
Tùng duyệt nghiêm đông thiên linh tú,
Nguyệt li mộng vụ vạn xuyên minh.
Sinh sinh nguyện chí phu thê ước,
Thập bát niên tiền thị nhất sinh.*

Dịch thơ :

II

*Ta kẻ vong thân, riêng chịu phận,
Nàng người lệnh phụ, há nhường ai ?
Vân Sơn một họ cùng sum họp,
Thạch Thất ba năm chẳng cách rời.
Tùng trái tuyết sương, nghìn núi tốt,
Trăng qua mù khói, vạn sông ngời.
Đời đời nguyện kết duyên chồng vợ,
Mười tám năm qua, tính một đời ⁽¹⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Làm vợ của những bậc quốc sĩ như Ngô Thị Nhậm, tất phải chịu sự hi sinh lớn lao vô cùng.

Quá hành sơn

*Hoan Châu nam giới tận Hoàn sơn,
Sáp Hán tầng tầng, tấm bích lan.
Bảo tượng quân vương chinh bá cổ,
Huyền Trân công chúa sính liêm tàn.
Trường đê sa dũng, kinh nghệ thiếp,
Cố lũy yên thâm, điệu tước nhàn.
Quan cái bất phương lãng hiếu lộ,
Mai hoa tảo dĩ hoán xuân hoàn.*

Dịch thơ:

Qua núi Hoành sơn

*Cõi nam Hoan, Diên ⁽¹⁾ sát non Hoành,
Non chọc tầng mây, áp biển xanh.
Lễ cưới Huyền Trân khôn hỏi dẫu ⁽²⁾,
Bóng cờ Bảo tượng ⁽³⁾ vẫn truyền danh.
Đê dài cát dải, kinh im bất,
Lũy cổ mây mờ, sẻ lượn quanh.
Áo mũ ngại gì sương móc sớm,
Gọi xuân, mai đã nở đầu cành.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Hoan, Diên: Nghệ An, Hà Tĩnh.

(2) Trần Nhân Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành Chế Mân, đổi lấy hai châu Ô, Lý (Thuận Hóa)

(3) Thiên Hống Bảo Tượng: niên hiệu của Lí Thánh Tông, vị vua thân chinh đánh Chiêm Thành.

Đặng Hoành son vọng hải

*Tạo hóa đương sơ khổ dụng công,
Khước tương hổ huyết xấn giao cung.
Hoàn vương phong vực qui ô hữu,
Trần đế tinh kì quải thái không.
Tình thụ thể cầm thương dục lão,
Nộ đào hí ngạc bạch thành ông.
Vô cùng kim cổ phù âu sự.
Phân hợp du du hạc mộng trung.*

Dịch thơ:

Lên núi Hoàn sơn ngắm biển

*Bày đặt khen thay thợ hóa công,
Khéo đem hàng cộp áp cung rồng.
Bóng cờ Trần đế⁽¹⁾ dường bay đó,
Cõi đất Hoàn vương⁽²⁾ thấy biến không.
Chim đậu lùm xanh, xanh đã lão,
Ngạc đùa sóng bạc, bạc nên ông.
Việc đời bọt nổi, xưa nay thế,
Phân hợp giành trong giấc hạc nông⁽³⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Trần đế: các vua đời Trần

(2) Hoàn Vương: Chiêm Thành

(3) Giấc hạc: giấc mộng hạc. Câu thơ ý nói cuộc tranh giành đất đai giữa Đàng Ngoài và Đàng Trong chẳng qua chỉ là giấc mộng trần thế, sẽ tiêu tan.

Lãng ngâm

*Bắc tối cao phong thị Tống Tinh
Hải nam tuyệt tuần Phú Xuân thành.
Tinh mao tăng kí tiền niên vãng,
Cầm kiếm ninh tri thử nhật hành.
Thế đại phế hưng thiên cổ sự,
Phong cương phân hợp nhất chu kinh.
Khẩu quan để bích phi ngô ý,
Hảo tiểu suy di trục lãng bình.*

Dịch thơ:

Ngâm Trần

*Núi cao, bắc nhất Tống Tinh ⁽¹⁾,
Biển nam đẹp nhất là thành Phú Xuân ⁽²⁾.
Quạt cờ năm trước dời chân,
Gươm đàn nay lại có lần tới đây.
Hưng vong thường lệ xưa nay,
Côi bờ phân hợp mới đầy mười năm.
Bon chen ta vốn vô tâm,
Lênh đênh bèo nổi mây chìm lạ sao?*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Tống Tinh, ngọn núi ở Thái Nguyên.

(2) Phú Xuân: Huế

Hóa châu

I

*Phi duyệt dư đồ thập hữu tam,
Hóa Châu phong vực cổ Phù Nam.
Sơn liên hải khí, yên vô chướng,
Hải tiếp sơ nguyên, thủy bất hàm.
Nhật quĩ khí chưng đông vũ khổ,
Cao sa vị kết tỉnh tuyền cam.
Tự tông Thuần miếu di dân hậu,
Lạc thổ như kim giáp Dẫn, Hàm.*

Dịch thơ:

Hóa Châu

I

*Đồ bản “mười ba xứ” mở coi,
Hóa Châu ⁽¹⁾ xưa thuộc nước phương ngoài.
Non hòa gió biển, hơi không độc,
Biển trộn nguồn non, nước nhạt mùi.
Cát mỡ thấm nhuận, làn giếng ngọt,
Nắng đông nung nấu, tiết mưa oi.
Di dân Hồng Đức nay phồn thịnh,
Hàm, Dẫn ⁽²⁾ khôn tây cõi đất vui.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Hóa Châu: Thuận Hóa (Thừa Thiên), tức Bình Trị Thiên ngày nay.

(2) Dẫn Trì, Hàm Cốc: các địa danh nổi tiếng phồn thịnh đời Tần.

Nhị bách niên tiền tiểu bá đô

II

*Y nhiên thành khuyết cữu qui mô.
Ẩn tình sự nghiệp, trùng Tề, Tấn,
Phân đỉnh giang sơn, tái Ngụy, Ngô.
Vượng khí đông nam lưu tử cái,
Trường giang tả hữu uyển hoàng đồ.
Thùy tri nhất đối sa minh địa,
Hoàn tác dương kim lữ cận châu.*

Dịch thơ:

II

*Đất trải trăm năm tiểu bá đô ⁽¹⁾,
 Cung thành còn đó dấu qui mô.
 Sao Đoài ⁽²⁾ dựng nghiệp so Tề, Tấn ⁽³⁾,
 Vạc Hán phân miền sánh Ngụy, Ngô.
 Vượng khí ngóng trông diêm thánh chủ ⁽⁴⁾,
 Trường giang tô điểm bức dư đồ.
 Ai hay bãi cát thành danh thắng,
 Triều hội, phồn vinh, nức một khu.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) tiểu bá đô: kinh đô của vị bá vương nhỏ, chỉ Nguyễn Hoàng.

(2) Sao Đoài: chỉ nhà Tây Sơn.

(4) Tề, Tấn: Hai nước mạnh trong “ngũ bá” đời Xuân Thu.

(4) Thánh chủ: chỉ Nguyễn Huệ – Quang Trung

Đại phong

*Vạn đội du long ửng ngọc hoàng,
Uy gia tứ hải cộng phi dương.
Tảo không tích vụ khai thu sắc,
Y cựu trung thiên kiến thái dương.
Xuy khứ dĩ vô trần cấu tại,
Qui lai trùng đồ thất gia xương.
Phi khâm độc tự ngâm du tử,
Tây thượng tường vân thị cố hương.*

Dịch thơ:

Cơn gió lớn ⁽¹⁾

*Muôn đội rồng bay giáp tận trời,
Oai thần lồng lộng khắp nơi nơi.
Mù tan lại thấy màu thu tỏ,
Trời hừng y nguyên bóng nắng soi.
Như bụi không còn vương chút dính,
Cửa nhà trở lại vẻ vui tươi.
Hả lòng ngồi vịnh câu du tử,
Làng cũ mây che tít phía đồi ⁽²⁾.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

-
- (1) Âm chỉ phong trào khởi nghĩa của nhà Tây Sơn.
(2) Bài thơ cho thấy nhãn quan sắc bén của tác giả nhìn nhận phong trào Tây Sơn và sự sáng khoái của ông trước “cơn gió lớn” của thời đại sẽ làm cho non sông đổi mới.

Tích vũ Huyền Trân

*Huyền Trân sái tận u sầu lệ,
Hóa tác xuân mai dạ vũ thanh.
Tông quốc quả tình cừu phẫn đại,
Di phu vô phận mỗi cư hành.
Nhị châu sinh vật công thiên cổ,
Vạn lí giai nhân ngộ nhất sinh.
Oán hận ưng tùy triều thủy trưởng,
Giang thôn tích lịch tố hàn canh.*

Dịch thơ :

Mưa dầm ở đảo Huyền Trân

*Nước mắt Huyền Trân khóc phận mình,
Đêm xuân, mai động lệ trên cành.
Hưng hờ, nước bạc thù son phấn,
Non yếu, chồng ngu hổ ngọc lành,
Sinh vật hai châu, còn đất tốt,
Giai nhân một kiếp chịu oan tình.
Oán hờn theo sóng trào dâng mãi,
Xóm bến mưa dầm đêm lộn canh.*

VŨ ĐÌNH LIÊN dịch

Văn hải đào thanh

*Kim thiết trầm trầm, tịch dạ minh,
Khanh oanh biện đắc hải đào thanh,
Súc năng tái trọng nghị vô nộ,
Khiêm bản cư ti khởi bất bình.
Thế vị thừa phong bốn sử cấp,
Cơ nhân khích ngạn phát lôi oanh.
Tối thâm tình xứ hà nhân trắc,
Nạp tận quần xuyên độc ố doanh.*

Dịch thơ:

Nghe tiếng sóng biển

*Tiếng chen vàng sắt lúc canh tàn,
Nghe rõ oang oang sóng biển rờn.
Lượng vốn mang nhiều, đâu giận dỗi?
Tĩnh quen ở thấp, há phàn nàn?
Được cơn gió cả, càng bon mạnh,
Gặp chỗ bờ cao, lại nổ ran.
Còn nghĩa sâu xa ai đã biết,
Thu muôn dòng nước vẫn không tràn.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

***Khâm ban nhật thị
Thanh Di điện cung kì***

Ngũ tích đao dài từng thúy vi,
Tường quang vân ửng ánh phau ti.
Phượng tường nghi vũ khai cung phiến,
Long phun minh châu nhiều điện trì.
Thánh chủ lâm hiên phương nhật xuất,
Lão thần dãi lậu chính tinh hi,
Nan tương suy cốt thù thiên quyển,
Kiền đối nam sơn chúc thọ mi.

Dịch thơ:

**Kính ghi việc vua
cho hằng ngày vào châu
ở điện Thanh Di**

*Ngất trời năm mái dài cao,
Ánh mây lóng lánh rơi vào bình phong.
Quạt này như phượng xòe lông,
Đầy thêm châu ngọc như rồng phun rơi.
Vua ra vừa mọc mặt trời,
Tôi già đứng đợi từ hồi lặn sao.
Thân hèn khôn báo ơn sâu,
“Núi Nam” xin nói mấy câu chúc mừng ⁽¹⁾.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Bài thơ tả cảm xúc của tác giả khi được vua Quang Trung trọng dụng.

***Tào triều Trung Hòa
điện tứ nội, độc chiến
thủ tấu nghị cung kì***

*Xâm thần vị tán ngũ canh sương,
Y ác kê thanh triệt Thượng dương
Phủ tọa dĩ bài kim kiếm vệ,
Các thần phương chỉnh tú y hàng.
Thần mô miếu toán truyền thiên ngữ,
Quốc kế biên trù diễn cáo chương.
Thùy thị bình Hoài Bùi tướng quốc,
Ưu cần cơ lược tán ngô hoàng.*

Dịch thơ:

Kính ghi buổi châu sáng sớm
trong điện Trung Hòa,
đọc bản tâu về chiến thủ ⁽¹⁾

*Canh năm còn đượm sương đêm,
Tiếng gà gáy rộn vang đền Thượng dương.
Bệ rồng xếp dãy kiếm vàng,
Các thần áo mũ hàng hàng trang nghiêm.
Thánh hoàng sách lược phán truyền,
Việc biên, việc nước dụ ban rạch ròi.
Ấy ai hiền tướng họ Bùi ⁽²⁾,
Chăm dân lo nước giúp tài vua ta.*

LỖ CÔNG dịch

(1) chiến thủ: đánh hay hòa.

(2) Bùi tướng quốc: Bùi Độ, danh tướng đời Đường, dẹp loạn ở đất Hoài, đất Thái, có công lớn.

Đề ngự bình đồ

Đào viên kết nghĩa

*Thiên tương anh kiệt kết đồng bào,
Thệ bả thâm tâm tố dữ đào.
Kha thúc thử phiên hương hỏa đỉnh,
Khẳng giao thốn thổ hứa Tôn, Tào.*

Dịch thơ:

Đề tranh trên bình phong của vua

*Dưới đào thề thốt đỉnh ninh,
Trời xui hào kiệt kết thành chân tay.
Lửa hương đã quyết phen này,
Không cho tác đất vào tay Tôn, Tào.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

Tam cố thảo lư

*Hán tặc phân minh trí chấm biên
Đường đường đế trụ thảo lư tiên.
Thùy tri khoảnh khắc đàm tâm xứ,
Mưu đắc giang sơn ngũ thập niên?*

Dịch thơ :

Ba lần đến lầu cỏ

*Trên gôi, biết ai vua, ai giặc,
Bổng trang hoàng tộc viếng lầu con ⁽¹⁾,
Ai hay chỉ một giờ tâm sự
Được giang sơn năm chục năm tròn?*

KIỀU VĂN dịch

(1) Lưu Bị (trang hoàng tộc, hậu duệ của Hán Cao Tổ) đến lầu cỏ của Khổng Minh cầu hiền giúp nhà Thục.

Cung cặn hoa

*Nùng anh bội lỗi ngọc trì biên,
Trường đặc vu chu thị ngự tiền.
Tố chất vô hương thùi dữ đổ,
Hong nhan bất mị cánh kham liên.
Xuân hoa tạ tận đan thành Phật,
Sắc tướng di lai bản tự thiên.
Bất thị tứ thời khoa quý hiển,
Đan tâm chiếu hướng nhật trung thiên.*

Dịch thơ:

Hoa dâm bụt trong cung.

*Bệ rồng hoa chúm chím kia,
Được mang sắc đỏ đứng kề quân vương.
Chẳng ai ghen, bởi thua hương,
Má hồng chân chất càng thương mặn nồng.
Hoa xuân rụng hết, mình không,
Sắc hương vốn sẵn từ trong cảnh chùa.
Bốn mùa hoa dâm đem phở,
Lòng son có mặt trời trưa tỏ rồi...*

HẢI NHƯ dịch

Thị ngự chu quá Hà Trung hồi cung kí

Thượng giá hạnh Tư Dung chi nhật, ngự chu dĩ
lí lậu sơ khắc phát trạo, mệnh tử thần thừa kim
long thuyền hồ tụng, phù Hà Trung hồi, ba đào
hung dũng, vũ lâm cổ trạo, thuyền hành như
phi, thìn sơ tam khắc, nãi đạt Tư Dung hải khẩu.

*Ba đào vạn khoảnh được ngư long,
Tây bắc minh mê thủy sở tòng.
Xích nhật dục uyên sơ xuất sắc,
Huyền Trân phù đảo thượng vi dung.
Xuân phong noãn nhập thao cô tọa,
Hải khí hàn sinh xạ đầu xung.
Thừa thuận cảm phạm đa đặc ý,
Thị thuyền phá lãng tác tiên phong.*

Dịch thơ :

Theo thuyền vua qua suối Hà Trung, kính ghi

Ngày hoàng thượng ra chơi cửa biển Tư Dung, thuyền ngự khởi chèo từ khắc đầu giờ tí, người sai Từ Thần ngồi thuyền Kim Long đi hộ giá, thuyền tới suối Hà Trung, bỗng sóng nổi dữ dội, quân vũ lâm hăng hái khua chèo, thuyền đi như bay, đến khắc ba đầu giờ thìn, mới tới cửa biển Tư Dung.

*Rồng bơi, cá nhảy, sóng muôn trùng,
Tây bắc duênh xa, nước mịt mù.
Vàng nhật tẩm khơi, màu rạng bảy,
Đảo Huyền đón giá, dáng tươi cùng.
Tờ hoa sắp án, xuân đậm ấm,
Chèo quế rung sao, biển lạnh lòng.
Buồm gấm thuận chiều tung sóng tới,
Thuyền thơ vâng linh chúc tiên phong.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

Phụng chỉ trùng khai Thiên Uy càng cung kỉ

*Thượng đế hiếu sinh liên điểm nhật,
Thần ngoan (?) nhất dạ chấn Thiên uy.
Kính trấn tự tặc Thiết sơn yển,
Chu tiếp nan thông Tiên mẫu từ.
Thánh chủ tuất binh cần động niệm,
Ngu thần sự thượng hạnh đầu cơ.
Tòng kim cảng vận vô gian trở,
Dục thọ nhân tình lại bất nguy.*

Dịch thơ:

Vâng chỉ vua mở lại cảng Thiên Uy, kính ghi

*Hiếu sinh trời xót nạn trầm dương.
Khai cảng Thiên Uy tiếng dậy vang.
Gai lấp Thiết sơn khôn vượt lối,
Thuyền qua Tiên mẫu lại ngăn đường.
Sự cơ hợp lí tôi dâng trạng,
Dân lính thương tình chúa quyết phương.
Chuyên chở từ nay không trở ngại,
Người vui cõi thọ tuổi khang cường.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

Cảm hứng

Dạ thực, vân không, kiến thúy vi,
Thiên biên du tử quải chinh y,
Nguyệt tà viễn tự chung sơ động,
Sương lạc hàn giang tịch thủy qui.
Chu nhập Ngũ hồ hòa ngã cộng,
Tâm quan Tam Điệp hữu thù tri.
Tĩnh ngôn thử tịch như hà tịch,
Cấm lậu canh thâm bị triệu thì.

Dịch thơ:

Cảm hứng

*Đêm thanh, dải núi rạng màu xanh,
Cảnh đạo bên trời, bước nhẹ thên.
Chùa vắng hồi chuông, trăng chếch mái,
Triều sa ngọn nước, móc gieo ghềnh.
“Năm hồ” thu đẹp, đang tìm thú,
“Ba Dội” non xa, vẫn nặng tình.
Đêm ấy đêm gì, sao lấp lánh?
Canh khuya vâng chỉ tới hoàng thành.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

Nhật Lệ hải môn dạ phiếm

Hoành trạo Ô Long nhật hướng hôn,
Vọng cùng Hà Hán triệt vân côn (cẩn).
Nhạn thần vạn lí triều thiên khuyết,
Ngư tử tam canh xướng hải môn.
Mãn khíp đồ thư bằng đầu chiếu,
Bão phàm trung tín thỉnh triều môn,
Lan nhiều chỉ hướng sa đê phát,
Ngưỡng diện Vi viên đối chí tôn.

Dịch thơ:

Dạo thuyền đêm trên cửa biển Nhật Lệ

*Thuyền đến Ô Long đã tối mờ,
Sông Ngân trông suốt lớp mây thưa.
Tôi xa muôn dặm về cung khuyết,
Chú lái canh ba rộn tiếng hò.
Tranh, sách may nhờ sao dẫu chiếu,
Lòng trung chỉ sợ nước triều xô.
Chèo lan ngắm thẳng bờ đê tiến,
Ngẩng thấy sao Vi ⁽¹⁾ tựa thấy vua.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Sao Vi: tức "Tử vi viên", ứng với ngôi vua chúa ở hạ giới.

Họa “trùng dương tiểu chúc” chỉ tác

*Phượng tiên hương phúc phượng nghi đường,
Nguyệt mãn đình giai, tuyết mãn đường.
Hừng đảo, tiện công thời hữu tửu,
Bệnh lai, tiểu ngã cường thành chương.
Tự truyền Phùng lạc, đề Doanh quốc,
Tài loát Chu nan, bạc Thú dương.
Thiên viện dục thiên, thiên vị ổn.
Khẩu quan tiêm thủ não đa phương.*

Dịch thơ:

Họa bài “Trùng dương tiểu chúc”⁽¹⁾

*Phượng tiên thơm nức trước rèm thưa,
Trăng khắp thềm sân, tuyết khắp bờ.
Khen bác hứng lên là có rượu,
Cười tôi bệnh đến vẫn ham thơ.
Vui càn, ai kể chàng Doanh ⁽²⁾ nọ,
Tài lớn, chỉ bàn núi Thú ⁽³⁾ xưa.
Muốn khép phòng tu, tu chẳng trót,
Tay măng gõ cửa dễ làm ngo ⁽⁴⁾.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

-
- (1) Trùng dương tiểu chúc : bài thơ uống rượu thưởng hoa nhân tiết trùng dương (9 tháng 9 âm lịch) do Phan Huy Ích (em rể tác giả), sáng tác, tác giả họa.
- (2) Chàng Doanh: Phùng Đạo, một đại thần đời Ngũ đại, phụng sự bốn triều đại, người đời sau cho là không có tiết tháo.
- (3) Núi Thú Dương, nơi hai nhà cao ẩn Bá Di, Thúc Tề lánh đời và chết đói.
- (4) một thứ thơ rất “tình” và “hiện đại”, nhưng ngụ ý nói việc các sĩ phu Bắc Hà khó dứt bỏ được chí nhập thế.

Kí lại bộ tả đông lôi phong hầu

*Tự tông nhất biệt lưỡng kinh xuân,
Vị bắc, Giang nam thiên các nhân.
Hảo thị tang bồng kì viễn phó,
Thiên ư hộc cục mộng lai tần.
Khải bang trọng địa nghi Tiêu, Khấu,
Kinh quốc hoành du kiến Phủ, Thân.
Tiền tịch kỉ hồi linh tướng quyển,
Tĩnh du mi mục vị quân thân.*

Dịch thơ:

Gửi quan lại bộ tả đồng lôi phong hầu

*Những từ tạm biệt chốc hai xuân,
Đất bắc trời nam nẻo cách ngăn.
Chỉ cả bông tang chờ đợi lớn,
Giấc mơ hòe cúc ⁽¹⁾ sớm hôm gần.
Dựng bờ chúc nặng công Tiêu, Khấu ⁽²⁾,
Trị nước mưu xa chí Phủ, Thân ⁽³⁾.
Khen ngợi mấy lần nghe ý chúa,
Về vang vì bạn cũng thêm phần.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) hòe, cúc: hai thứ cây thường trồng trước sân cung vua, chỉ những người có chức vụ trong triều.

(2) Tiêu: Tiêu Hà; Khấu: Khấu Chuẩn – các danh thần đời xưa.

(3) Phủ, Thân: Trần Trọng Phủ, Thân Bá, hai danh thần nhà Chu.

Tái kinh Thiền Lâm tự

*Tướng phủ phồn hoa cực dĩ di,
Thôn cương cổ sát thương y y.
Hàn tuyên cảnh thế đam quyền lợi,
Khô thụ trào nhân tác phúc uy.
Kí vãng thị phi, vân biến hóa,
Nhu Lai sắc tướng, nguyệt minh huy.
Kinh qua cố để trùng hồi thủ,
Vĩ điệu tây phong loại nhất chi.*

Dịch thơ:

Lại đến chùa Thiên Lâm ⁽¹⁾

*Phồn hoa dinh tướng ⁽²⁾ cuộc tàn rồi,
Chùa cũ làng quê cảnh lại tươi.
Suối lạnh nhường răn người háms lợi,
Cây khô như giấu kẻ khoe oai.
Việc đời phải trái mây thay đổi,
Đạo Phật xưa nay nguyệt sáng ngời.
Chốn cũ đạo qua, nhìn trở lại,
Gió tây một chén rót cho ai.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

(1) Chùa Thiên Lâm ở hữu ngạn sông Hương.

(2) Chùa từng bị Hưng quốc công (cậu vua) chiếm làm nhà riêng, sau ông này bị giết và chùa lại được khôi phục như cũ.

Thụ Hàng thành

*Lộ kinh Mạc phủ nhập Bằng Tường,
Cố Thụ Hàng thành thị cố cương.
Sơn tự Lạng Sơn, khe giáo thiếu,
Thạch xưng Hạ Thạch, lí thiên trường!
Thủy xa chuyển trục lôi huyền ngàn,
Hỏa hiệu tiêu dài tuyết mãn đường
Đô thống hành thành thành thậm sự.
Linh nhân thiên tải mạ Nghi Dương.*

Dịch thơ:

Thành Thụ Hàng

*Lối qua Mạc Phủ tới Bằng Tường ⁽¹⁾,
 Thành Thụ Hàng ⁽²⁾ xưa, dấu cố cương.
 Núi tựa Lạng Sơn, dòng suối ít,
 Mốc nêu Hạ Thạch ⁽³⁾, dăm đường trường.
 Tuyết bay tàn pháo, đồn canh khắp,
 Sấm chuyển guồng xe, bến nước vang.
 Đô thống ⁽⁴⁾ xin hàng, trò khốn nạn,
 Nghìn năm bán nước tiếng Nghi Dương ⁽⁵⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

-
- (1), (3) Tác giả đi sứ, vừa qua biên giới Việt – Trung.
 Mạc Phủ, Bằng Tường, Hạ Thạch: các địa danh
 phía nam Trung Hoa, gần biên giới với Việt
 Nam.
- (2) Thành Thụ Hàng (thành nhận hàng): thuộc đất
 Trung Hoa, cách Mạc Nam quan 50 dặm. Tại đây
 nhà Minh chấp nhận sự đầu hàng của Mạc
 Đăng Dung.
- (4) Đô thống: chức vụ do nhà Minh ban cho Mạc
 Đăng Dung sau khi y xin hàng.
- (5) Nghi Dương: quê Mạc Đăng Dung.

Bài ngâm mỉm miệng cười

Sáng đi từ Nam Ninh ⁽¹⁾,
Chiều ghé Tam Giang khẩu ⁽²⁾.
Nước thu rất lặng trong,
Núi thu cũng thanh tú.
Trên trời không mây bay,
Dưới ao không bụi phủ.
Đầy núi nhìn non xanh,
Trâm ngâm nghĩ vũ trụ.
Ta đi muôn dặm đường,
Qua lại ba mùa đủ.
Mắt nhìn và tai nghe,
Nam Bắc đều lí thú.
Nhật nguyệt cùng giữa trời,
Non sông cùng hội tụ.

(1) Một thị trấn ở Quảng Tây.

(2) nơi hợp lưu của ba con sông (thuộc Quảng Tây)

*“Trúng gà chia đều”: sai ⁽³⁾,
 “Ba gái một trai”: ẩu ⁽⁴⁾!
 “Di, Hạ khác âm dương” ⁽⁵⁾.
 Lời này thật thiếu lậu!
 Lẽ trời ở lòng người,
 Phong khí trước sau chũ.
 Cùng biết tôn quân vương,
 Cùng biết yêu phụ mẫu.
 Âm khác, thanh giống nhau,
 Kiến thức từ một chỗ!
 Chu phu tử đường hoàng,
 Lời hiền thật hiểu thấu:
 Khen ngợi dân Tây Nam,
 Nhiều văn tài quý báu.
 Có văn hiến đã lâu,*

(3) Tác giả bác bỏ luận điểm cho rằng ngoài Bách Việt cứ sinh 3 con gái thì sinh 1 con trai.

(4) Tác giả bác bỏ quan niệm phân biệt đẳng cấp giữa Di (ngoài Trung Quốc) với Hạ (Trung Quốc).

(5) Tác giả bác bỏ luận điểm coi Lạc Dương là trung tâm của cõi đất.

Chẳng riêng Trung Quốc thạo ⁽⁶⁾.
 Lời ấy thực lòng ta,
 Về nói cùng bạn hữu.
 May sinh ở nước Nam,
 Nghiễm nhiên mang áo mũ,
 Chớ bảo ta không văn,
 Việt Thường có "hoàng cầu" ⁽⁷⁾.
 Thử nhìn sông Ninh Minh,
 Cuồn cuộn về đông đạo.
 Bắt nguồn từ ở đâu,
 Ngộ đình đến canh dậu ⁽⁸⁾.

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

- (6) Chu Hi, danh nho đời Tống đã sáng suốt nhận chân rằng, ngoài Trung Quốc, dân Tây Nam cũng có văn hiến rực rỡ.
- (7) Sử Trung Hoa còn ghi việc: đời Chu Thành Vương, ở phía nam Giao Chỉ có họ Việt Thường (vùng Quảng Bình, Quảng Trị) sang Trung Hoa dâng chim bạch trĩ, vâng mệnh các bậc bô lão (hoàng cầu: tóc rụng, da nhăn).
- (8) tức phương Nam và Tây Nam. Tác giả căn cứ sông Ninh Minh (Quảng Tây) cũng từ các nơi phát nguyên của hướng Nam, Tây Nam để khẳng định sự độc lập của các xứ này.

Thủy thanh

*Thủy bản vô thanh, khước hữu thanh,
Tăng oanh giang thượng vị thủy minh.
Trường lưu thuận chú, nguyên thường tĩnh,
Đoạn thạch hoành lan, nãi bất bình.
Ngạnh vị khứ thời, ưng hữu nộ,
Lượng năng dung xử, tiện vô tranh.
Thái hòa quân tử tu tiềm hội,
Thấu triệt ngân quang đáo để minh.
Dịch thơ:*

Tiếng nước

*Nước không tiếng lại thành có tiếng,
Vì đâu âm ĩ réo liên thanh?
Xuôi chiều sông chảy thường im ắng,
Vấp đá dòng ngăn nổi bất bình.
Cứng chứa đầy lùi còn ứ giận,
Lượng mà dung nổi chẳng cần tranh.
Ai người hòa khí nên ngầm hiểu,
Thấu suốt lòng trong sắc trắng tinh ⁽¹⁾.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

(1) Một bài thơ luận về bản chất huyền diệu của nước. (Không tiếng và có tiếng, êm lặng và bất bình, tranh đấu và dung thứ, vô cùng tinh khiết).

Kinh Cát Thủy huyện vấn Văn thừa tướng

*Địa xuất danh hiền xưng Cát Thủy,
Thiên tương chính khí dục Văn San (sơn)
Trạng nguyên, tể tướng, cương thường trọng,
Hoàng Phạm, Toa Đô, sự thế nan.
Thanh hãn bất phương lưu nghĩa liệt,
Hoàng quan phi cầu nguyện an nhân.
Cô trung chiêu yết kiên khôn cầu,
Ba lăng trung nhân nhất nản nhân.*

Dịch thơ:

Qua huyện Cát Thủy, viếng thừa tướng họ Văn

*Đất nức danh hiền dòng Cát Thủy,
Trời hum chính khí đỉnh Văn Sơn ⁽¹⁾.
Trạng nguyên, tể tướng, thân bao trọng,
Hoảng Phạm, Toa Đô, sự khó toan ⁽²⁾!
Thẻ trúc đáng lưu gương nghĩa liệt ⁽³⁾,
Mũ vàng đâu chịu cảnh an nhàn!
Cô trung một dạ soi trời đất.
Hổ kẻ bôn xu thói thế gian.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

-
- (1) Văn Sơn: huyện thuộc Giang Tây, quê Văn Thiên Tường.
(2) Toa Đô, Hoảng Phạm: hai tướng Nguyên, kẻ dụ dỗ, kẻ lén bắt Văn Thiên Tường (tướng nhà Tống) về giam ở Yên Kinh.
(3) Văn Thiên Tường để lại bài thơ bất hủ, có câu "Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh" (Lưu lại lòng son với sử xanh). Thẻ trúc: thanh sử (sử chép trên mảnh tre)

Đề Ti Bà đình

*Đoản đình nộn lục hám tình xuyên,
Độc thiện phong quang vạn cổ truyền.
Nguyệt sắc thượng hàm Tư mã lệ,
Giang thanh trường yết lão cơ huyền.
Thú lâu đề phú tà dương ảnh,
Ngư khả nùng phân bạc mộ yên.
Luân lạc thiên nhai kim tích khái,
Ca hành thời tụng tứ du nhiên.*

Dịch thơ:

Đề đình Tì Bà ⁽¹⁾

*Sông tạnh đoản đình ánh liễu tơ,
Nổi danh cảnh đẹp tự bao giờ.
Trăng hoen ngấn lệ hồn Tư mã ⁽²⁾,
Sông ghen cung sâu phiếm Lão cơ ⁽³⁾.
Bóng xế chênh chênh trùn vọng gác,
Khói chiều man mác phủ thuyền ngư.
Phương trời lặn đậm lòng kim cổ,
Mỗi đọc bài hành, mỗi ngấn ngơ...*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

(1) Đình Tì Bà ở ngoài thành Cửu Giang (tỉnh Giang Tây) trên bờ sông Trường Giang. Tại đây Bạch Cư Dị gặp gỡ nàng ca nữ gảy đàn tì bà và sáng tác bài thơ nổi tiếng "Tì bà hành".

(2) tức Bạch Cư Dị.

(3) Ca nữ già gảy đàn tì bà.

Vạn Tùng sơn

Sở, Việt cương loan thịnh sản tùng,
Đình đình giáp đạo lục âm nùng.
Tham thiên lão cán phương điều đạt,
Phấn địa trình kha cánh uất thông.
Tụ bảo đoàn đoàn căn hữu hổ,
Lãng sương điểm điểm giáp thành long.
Ái cử đặc lập ngang nhiên cốt,
Bất phạ hàn uy thế hữu đông.

Dịch thơ:

Núi Vạn Tùng

*Sở, Việt non đồi mọc lăm thông,
Bên đường sừng sững bóng râm lồng.
Ngất trời cội nẩy già tươi tắn,
Rợp đất cành vươn rả lả lung.
Hổ phách ⁽¹⁾ kết tinh vàng báu tụ,
Vẩy rồng ⁽²⁾ đóng lớp dấu sương phong.
Yêu cây cốt cách ngang tàng đứng,
Chả sợ chi trời rét giá đông.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

(1) nhựa thông chảy vào lòng đất lâu đời, kết thành hổ phách, chất đẹp như ngọc.

(2) da cây thông già trông như vẩy rồng.

Chư Cát Vũ Hầu miếu

*Nhân long hóa khứ hiện thần long,
Tiểu thạch lâm lưu miện Hán Trung.
Bắc hướng trầm cơ khu nhận trận,
Đông thôn di nộ dịch đồn phong.
Đỉnh phân vô lực tranh thương hiệu,
Miếu tự hà tâm ỷ bích không,
Tùng bách y hi khuynh cái nhật,
Hành dương thu thủy chiếu cô trung.*

Dịch thơ:

Miếu Chư Cát Vũ Hầu ⁽¹⁾

*Người rồng đã thác, hiện thần rồng ⁽²⁾,
Núi đứng kề sông, ngóng Hán Trung ⁽³⁾!
Nhạn sắp trận kia dong đất bắc,
Heo phun gió nọ cuốn miền đông ⁽⁴⁾.
Trời chia chân vạc khôn tranh sức,
Đền ngất tầng mây há tưởng lòng.
Xe đồ bóng tùng trông phảng phất,
Hành dương nước giải tấm cô trung.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Miếu thờ Khổng Minh Gia Cát Lượng ở tỉnh Hồ Nam.

(2) Khổng Minh từng ở ẩn trên núi Ngọa Long, đất Nam Dương, nên người đời gọi ông là "rồng nằm".

(3) quận Hán Trung (thuộc đất nhà Thục)

(4) Ý nói việc Khổng Minh đánh Đông Ngô.

Quá Trường Sa ức Giả Nghị

*Bất thị Trường Sa lão Giả sinh,
Vị hoàng thiên tử ố phân canh.
Hậu nguyên tuy khuyết lễ văn sự,
Tuyên thất hoàn phi thống khốc đình,
Tất cánh thiếu niên đa hiệp khí,
Toại giao nhất chúc khổ quan tình.
Dục tâm cố trạch lai bằng điệu,
Giang thụ y y thượng bất bình.*

Dịch thơ:

Qua Trường Sa, nhớ Giả Nghị

*Há muốn Trường Sa ⁽¹⁾ Nghị ⁽²⁾ chết già,
Đổi thay vua ghét chuyện bày ra.
Hậu nguyên ⁽³⁾ tuy thiếu lễ văn đầy,
Tuyên thất ⁽⁴⁾ là nơi khóc lóc à?
Chỉ vì tuổi xanh mong chí cả,
Xui nên chức mọn buộc tình ta,
Muốn tìm chốn cũ mà thăm viếng,
Cảnh bên như còn dấu hận xưa ⁽⁵⁾.*

HOÀNG TẠO dịch

-
- (1) Trường Sa: thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Hoa)
 - (2) Giả Nghị: một công thần tài giỏi đời Hán, lúc trẻ bị bọn quần thần gièm pha nên phải đổi ra làm thái phó cho vua ở Trường Sa xa xôi.
 - (3) hậu nguyên: nguyên niên sau (nguyên niên lần thứ hai cho một đời vua)
 - (4) Tuyên thất: một tòa nhà trước cung Vị Ương. Tại đây vua Văn đế cho triệu Giả Nghị tới hỏi han ân cần. Giả Nghị tâu rằng: "Sự thế ngày nay có một việc đáng thương khóc, hai việc đáng chảy nước mắt, sáu việc đáng thờ dài." (!)
 - (5) Giả Nghị ân hận việc vua Lương mà ông thờ bị ngã ngựa chết, được một năm ông cũng chết theo

Văn du Pha Tiên đình

Điểm đàm nhâm tuất dạ du khách,
Hỉ đồ Hoàng Cương cố tích đình.
Minh nguyệt thanh phong tàng tạo hóa,
Biên chu đầu tửu ức phương hình.
Thiên thu đạo mạo hàn sơn bích,
Nhị phú di văn họa các bình.
Điểm kiểm dương niên đề phẩm xứ,
Yên ba nhất sắc hồn thanh minh.

Dịch thơ:

Chiều thăm đình Pha Tiên ⁽¹⁾

*Chuyện năm Nhâm tuất những mê say,
Dấu cũ Hoàng Cương mới thấy nay ⁽²⁾.
Gió mát, trăng trong dành mãi đó,
Thuyền lan, rượu quế ngõ còn đây.
Bóng ai như tạc sườn non nọ,
Lời phú còn in bức họa này.
Tìm lại chốn xưa ngày phẩm vịnh
Một màu khói sóng lẫn trời mây*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) Pha Tiên: ông tiên Tô Đông Pha

(2) Hoàng Cương: huyện thuộc Hoàng Châu, có sông Xích Bích. Tại đây Tô Đông Pha đã du ngoạn và viết hai bài phú về sông Xích Bích.

Dạ phục độ Xích Bích giang khẩu

*Sa chủ miên diên dịch vĩ sơ,
Trạo ca thừa nguyệt tứ mang như.
Tào, Tôn chiến địa hàn yên lý,
Kính Sở giang quan thịnh lạc sơ.
Bạch lãng phù không phong phạm kính,
Hồng đăng mãn ngạn thủy đình hư.
Pha Tiên du hậu tương thủy tục,
Cô đình tiền than kiến dạ ngư.*

Dịch thơ:

Đêm, lại qua cửa sông Xích Bích

*Lau lách lưa thưa bãi cát dài,
Đò đưa dưới nguyệt hát ca vui.
Chiến trường Ngô Ngụy ⁽¹⁾ chìm trong khói,
Ai bến Sở Kinh ngâm giữa trời.
Sóng bạc lưng không, buồm gió thẳng,
Đèn hồng rực bến, bóng đình soi.
Sau ông Pha ⁽²⁾ đó ai người tiếp,
Thấp thoáng ghềnh khuya chiếc mủng chài.*

CHƯƠNG THẬU dịch

(1) Tôn Quyền và Tào Tháo đánh nhau lớn ở sông Xích Bích.

(2) Tô Đông Pha, tác giả hai bài "Xích Bích phú"

Sơn pha qui mã

*Bão thực giao nguyên, bạc mộ qui,
Tiến cử vô sự độc hi hi.
Giáng tài nãi hữu giá ban hậu.
Tạo vật hà tăng nhất điểm ti (tư).
Tự thị nô thai đa hạ nhật,
Nhược giao kì kí thiếu nhân thì.
Thế nhân mạc oán thông minh ngộ,
Đại để thô trường chiếm tiện nghi.*

Dịch thơ:

Ngựa từ sườn núi về

*Ngày đi thả cỏ, tối về ngơi,
 Ngủ kĩ ăn no, thật thoải mái,
 Hậu đãi khéo sao riêng kiếp ngựa,
 Thiên tư đâu có phải lòng trời ?
 Giống thồ vẫn đứng trâu ngày đó,
 Vó kĩ thường dong vạn dặm hoài.
 Nhấn khách thông minh đừng oán phận,
 Ngu si hưởng phúc biết bao người ⁽¹⁾.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Bài thơ có tính ngụ ngôn sâu sắc. Ngựa có giống “Kì, Kí” là ngựa chiến quý giá, có giống ngựa thồ “ăn no vác nặng”; cũng như con người, có kẻ hào kiệt phải lao tâm khổ trí gánh vác việc đời, có kẻ suốt đời “ngu si hưởng thái bình”.

Thang Âm đạo trung, thu văn dã vọng

*Thu quang xâm cổ đạo,
Hành khách xúc chinh an (yên).
Tịch chiếu hàm sơn đạm (?),
Kim phong bạc mộ hàn.
Dã vu thiên mặt tận,
Đê liễu thủy trung tàn,
Cô lộ vân du khứ,
Hương tâm dục khiển nan.*

Dịch thơ:

**Dọc đường Thanh Âm,
ngắm đồng nội chiều thu**

*Ánh thu len lối cũ,
Khách vội thắng yên ngay.
Bóng xế hoe đầu núi,
Chiều hôm lạnh gió may.
Liều đê tàn bến nước,
Cỏ nội tím chân mây.
Nhìn chiếc cò mây lượn,
Lòng quê khó nổi khuây.*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

Đề Yển Thành Nhạc Vương miếu

*Tráng hoài khảng khái ẩm Hoàng Long,
Thiết giáp, dâu mâu, khiếu xá không.
Hương đỉnh nghinh sư, hân phụ lão,
Kim bài phụng chiếu, khắp anh hùng.
Thiên giao Nam Tống ngu hòa tự,
Nhân vị Trung Nguyên tích chiến công.
Liệt phần do di cung kiếm địa,
Nhất đỉnh từng bách văn hào phong.*

Dịch thơ:

Đề miếu Nhạc vương ở Yễn Thành ⁽¹⁾

*Những mong uống rượu ở Hoàng Long ⁽²⁾,
Giáp trụ thân mang, miệng thét lòng.
Hương đội đón quân mừng phụ lão,
Bãi vàng vâng chiếu, khổ anh hùng.
Trời xui Nam Tống ngu hòa ước,
Người hận Trung Nguyên tiếc chiến công ⁽³⁾.
Căm phần còn lưu nơi chiến trận,
Chiều hôm gió rít giữa sân tùng.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

-
- (1) miếu thờ Nhạc Phi ở huyện Yễn Thành (tỉnh Hà Nam, Trung Hoa)
(2) Hoàng Long: kinh đô nhà Kim (tỉnh Liêu Đông), nơi Nhạc Phi rập tam chinh phạt để khôi phục toàn cõi Trung Nguyên cho nhà Tống.
(3) Đại sự không thành, Nhạc Phi bị tên phản thần Tần Cối lừa dùng chỉ giả mạo của vua Triệu về triều rồi hãm hại.

Đề Nhạc Vũ Mục Vương miếu

*Độ Hằng sự thế tướng quân tu,
Thống ẩm Hoàng Long khí quán Ngưu.
Chính hữu yết kì kham báo quốc,
Kì như ý cấm dĩ vong cầu.
Lương Hà khốc bãi chư tù hạ,
Nhất năm hoan lai nhị đế sầu.
Chung cổ Phong Ba đình hạ quá,
Hồ quang sơn sắc hận du du!*

Dịch thơ:

Đề miếu Nhạc Vũ Mục Vương ⁽¹⁾

*Nhục nổi Cao tông chạy đất Hàng ⁽²⁾,
Hoàng Long chuốc rượu, khí ngang tàng!
Dựng cờ báo nước, mong còn những...
Mặc gấm quên thù, nghĩ chẳng đang ⁽³⁾!
Bọn giặc reo mừng, dân nhỏ lệ ⁽⁴⁾,
Hai vua ⁽⁵⁾ sầu nào, địch thêm lương.
Phong Ba đình ⁽⁶⁾ ấy ai qua viếng,
Núi biếc hồ trong mối hận trường.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

-
- (1) Miếu thờ Nhạc Phi, danh tướng Nam Tống.
 (2) Vua Cao Tông (Bắc Tống) chạy trốn quân Kim xâm lược, xuống Hàng Châu (phía nam sông Trường Giang).
 (3) Vua Cao Tông chạy thoát thân và nhõn nhõn hưởng phú quý, quên cha và anh bị kẻ thù (Kim) bắt về Bắc giam chết.
 (4) Nhạc Phi bị Tần Cối giả mạo chỉ vua gọi về triều khiến nhân dân đau đớn, thất vọng.
 (5) Huy Tông và Khâm Tông, hai vua Tống bị giặc bắt.
 (6) Phong Ba đình: đình trong ngục Đại lý Tự, nơi Nhạc Phi bị giết.

Ân thái sư Tỉ Can chỉ mộ

*Bất kham diên đảo thị suy Thương,
Trung tiết chiêu hồi nhật nguyệt quang.
Cuồng, động cánh thù ưu cố quốc,
Qui châm hà cảm phụ thời vương.
Nhân nhân tâm khiếu phi tường ngược,
Phương bá ý nhung thả hối tàng.
Lục thất thánh hiền di tích diểu,
Lũng đầu cô ổ tiểu bi hương.*

Dịch thơ:

Mộ Tỉ Can, thái sư nhà Ân

*Ngôi Ân chẳng nỡ thấy suy đồi,
Tiết sáng lòng trung nhật nguyệt soi.
Cuồng ản lấy ai lo đất nước,
Can ngăn há phụ nghĩa vua tôi.
Người nhân tâm khảm chưa tàn hại,
Phương bá (1) bình nhưng hản xếp vùi.
Di tích thánh hiền xưa bất vắng,
Bia thơm xóm quanh vẫn không phai (2).*

LỖ CÔNG dịch

(1) phương bá: trưởng chư hầu một địa phương, chỉ Chu Vũ Vương, người diệt Trụ lập nhà Chu.

(2) Tỉ Can là trung thần của chúa Trụ, nhưng chúa Trụ vô đạo đã giết ông, (vì ông can gián y) mổ tim để xem "tim thánh nhân có 7 lỗ" thật hay không?

Hạo thành

*“Xích phục” trình phù sự dĩ phi,
Cổ thành lao lạc thảo uy nhi.
Thú lâu ngô lịch kim thiên tải,
Giáp đệ ca chung bỉ nhất thì.
Bắc thượng trần đồ thành cổ kính.
“Đông Quang” đài triệu ủy tàn bi.
Đại đô thịnh văn dương nhiên sự,
Khước tiến Đồng Giang bách xích ti.*

Dịch thơ:

Hạo Thành ⁽¹⁾

*"Xích phục" diềm xưa đã khác rồi,
Chơ vơ thành cũ cỏ gai vùi.
Gác canh gạch ngói đây ngàn thuở,
Lâu tía đàn ca đó một thời.
Bắc thượng đã mòn đường bụi ấy,
Đông Quang còn dấu chữ rêu thôi!
Việc đời suy thịnh đều như thế.
Sợ cuộc Đông Giang ⁽²⁾ mãi rặng ngời.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

(1) Hạo Thành: một tòa nhà cổ ở tỉnh Hà Bắc (Trung Hoa), nơi vua Quang Vũ nhận xích phù (sách sấm kí) rồi nổi lên diệt Vương Mãng (kẻ cướp ngôi nhà Hán) lập nên nhà Đông Hán.

(2) Đông Giang, nơi Nghiêm Quang (bạn của Quang Vũ) câu cá, khước từ mọi sự mời mọc về triều làm quan của Quang Vũ. Nghiêm Quang là một "đại ẩn sĩ" trong lịch sử Trung Hoa (đời Đông Hán).

Yên Sơn

*Nghệ tổ đương sơ tuyết dạ trù,
Yên Sơn tiền hậu thập dư châu.
Bàng biên bất cảm tha nhân thụy,
Cố nhượng nan tương tuế tộ thu.
Kim cổ phong quang vô thịnh vãn,
Sóc nam sự cục diệt doanh thâm,
Nhàn khan duy hữu hành vân hảo,
Phi trảo thiên phong chỉ tự do.*

Dịch thơ:

Yên Sơn ⁽¹⁾

*Nghệ tổ ⁽²⁾ năm nao dấn tuyết đêm,
Toan lo khôi phục đất U, Yên.
Giường bên khôn cấm người nằm ngáy,
Đất cũ chi mong của chuộc đền ⁽³⁾ ?
Suy thịnh cổ kim nào sá kể,
Được thua nam bắc biết bao phen.
Ngắm xem chỉ có mây kia sừng,
Rừng núi tự do bay khắp miền.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

-
- (1) Yên Sơn: ngọn núi ở tỉnh Hà Bắc (Trung Hoa)
 (2) Nghệ tổ: Tống Thái Tổ (Triệu Khuông Dân)
 (3) Tống Thái Tổ tích lũy nhiều của cải định đưa cho Khiết Đan để chuộc lại đất 16 châu thuộc vùng U, Yên trước đó đã bị cắt nhượng cho nước này. Song việc không thành.

Tiên khảo sinh thân cảm tác

*Liêu liêu hạc ngự cách vân hương,
Phi phục vấn thân hiến thọ trường.
Giản tảo hữu trai, tông dũ phụ,
Lũng mai vô tín, sứ tình lang.
Hiếu tư đối việt kiên khôn đại,
Công sự tư chu thủy lục mang.
Vạn lí gia sơn tần nhập mộng,
Dịch đình thiên hiếu khiếp thu lương.*

Dịch thơ:

Cảm tác nhân ngày sinh nhật cha

*Xa xa xe hạc cách mây ⁽¹⁾,
Lấy ai rượu thọ chén đầy dâng cha?
Rau thơm, dâu cá ở nhà,
Vắng tin mai nở, sứ xa côi ngoài.
Cù lao công đức như trời,
Sứ trình đi khắp sông dài núi to.
Quê nhà muôn dặm trong mơ,
Buổi mai quán dịch hơi thu lạnh lòng.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

(1) Ý nói cha (đã khuất) như vị tiên cưỡi xe hạc kéo ở ven trời

Chiêu Quân mộ

*Tần Thành linh bạn thảo mông nhung,
Kiến chỉ Minh Phi táng lũng trung.
Xuế trướng túng nhiên liên bạc mệnh,
Hương liêm hà tự lão thâm cung.
Liễu mi linh lạc hàm thu lộ,
Cầm vận thể thanh yết sóc phong.
Thiên cổ mạn cừ Diên Thọ họa,
Phi thường nhan mạo bút nan công.*

Dịch thơ:

Mộ Chiêu Quân ⁽¹⁾

*Bên dải Tần Thành cỏ rậm che,
 Ấy ai tảo mộ nàng Minh Phi.
 Trống cừu phận bạc nằm sao ảm,
 Cung lạnh già toi thú nổi gì?
 Gió bắc chim non kêu thảm thiết,
 Sương thu mây liễu ngậm đầm đìa.
 Nghìn đời căm giận tranh Diên Thọ ⁽²⁾,
 Nhưng mặt phi thường dễ vẽ chi.*

HUY CẬN dịch

(1) Chiêu Quân (Vương Tường), cung nữ của Hán Nguyên Đế, sau bị vua đem gả cho vua Hung nô để kết hòa hiếu. Nàng chết ở Hung nô, để lại một bi kịch thảm xót.

(2) Diên Thọ: tên thợ vẽ trong triều Hán, đã cố ý vẽ tranh Vương Tường xấu đi (để vua Hán không trọng đãi nàng) vì nàng ý sắc đẹp không chịu đút lót để y vẽ đẹp.

Bài hành nuôi la ở Bắc Trục ⁽¹⁾

*Nuôi một la hơn mười đầy tớ,
Đầy tớ thì đói khổ biết kêu.
Sức la dùng được việc nhiều,
Củ mang, nước chở, chạy veo trên đường.
Quay cối đá, đảm đương xay lúa,
Kéo cày bừa, giúp đỡ nông phu.
La lên dốc sỏi lặc lừ,
Mồ hôi ướt đầm, bụi mù dính lưng.
La phục dịch vô cùng lao khổ,
Chưa hề kêu thiếu cỏ rơm ăn.
Kìa xem béo tốt cả đàn,
Sinh ra đâu vốn mỡ màng thịt da?
Người chủ vốn nuôi la rất giỏi,
Làm vừa chừng đến buổi chiều thôi.
Tháo cương la được nghỉ ngơi,*

(1) Bắc Trục: thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Hoa)

Đậu, mì đem trộn mỡ rồi cho ăn.
 Trong chuồng nhử vài canh hể hả,
 Mới cho la lần lượt ruồi rong.
 Tiên vương cũng thế, dùng dân,
 Dân dù vất vả mà không oán gì,
 Phàm có sinh cũng thì có dưỡng,
 “Nhiều cỏ ăn, nước uống” là câu,
 Nuôi dân ăn mặc hàng đầu,
 Không ai đói rét dân đâu chẳng mừng?
 Nhân với dân trước hơn yêu vật,
 Cao Dao ⁽²⁾ xưa mưu việc yên dân,
 Những điều sở đắc sứ trình,
 “Nuôi la Bắc Trục”, xin dâng bức đồ ⁽³⁾.

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

(2) Cao Dao: hiền thần đời Ngu, dâng sách cho vua Vũ với hai điểm chính yếu: “biết người” và “an dân” (Tài tri nhân, tại an dân).

(3) Bài thơ ngụ ngôn mang thâm ý khuyên các bậc đế vương quan tâm trước hết đến DÂN.

Thu nguyệt

*Sầu bãi hồ tôn thác vãn soang (song),
Nhất luân quế phách ảnh thiên giang,
Khách hoài dục phóng Lư Câu bộ,
Hà xứ nhàn lâu địch sổ xoang.*

Dịch thơ:

Trăng thu

*Chén rượu chiều tà chuốc dưới sông,
Một vành bóng quế ánh nghìn sông.
Thưởng trăng rắp dạo cầu Lư⁽¹⁾ nọ.
Hồi sáo lâu ai luống náo lòng.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Lư Câu: tên cây cầu trên sông Lư Câu, thuộc tỉnh Hà Bắc (Trung Hoa), một trong tám cảnh đẹp nổi tiếng ở Yên Kinh

Thu thủy

*Hàn đàm lạo tĩnh thủy như ngân,
Đảo ảnh trường không họa bất chân.
Tu mấn xâm sâu đa cải hoán,
Kỉ kham vãn bộ hướng phương tân.*

Dịch thơ :

Nước mùa thu

*Trận lũ qua rồi, hồ ánh bạc,
Trời lồng đáy nước đẹp hơn tranh.
Tóc râu mây nhuộm sẫm nhân thế
Đạo bước bến thơm dạ chẳng đành.*

NGUYỄN VŨ TIỀM dịch

Thu cúc

*Cao tiết xung hàn phóng mãn sơn,
Độc siêu quần hủy điểm thu nhan.
Hốt tư cự tuệ đông li hạ,
Đối tửu xan anh tận nhật nhàn.*

Dịch thơ:

Cúc mùa thu

*Rét về vách núi đầy hoa,
Vĩ thu trang điểm vượt xa muôn loài.
Giậu đông vườn cũ nhớ hoài,
Nhắm hương hoa cúc, say dài năm xưa.*

HẢI NHƯ dịch

Thu dạ

*Nghiêm thiên nhập dạ bội thanh lân,
Lộ mãn viên lâm, nguyệt mãn đình.
Hàn ngũ canh tâm la giác vận,
Bất kham lữ quán đối sầu thính.*

Dịch thơ:

Đêm thu

*Đêm thu lạnh lẽo cảnh ê chề,
Vườn mốc, sân trắng, lặng tứ bề.
Tiếng giốc ⁽¹⁾ năm canh lòng nảo nuột,
Sầu nằm quán trọ, khách khôn nghe.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) giốc: kèn, tù và (thổi báo sang canh)

Thu chiêm

*Thanh tông nguyệt dạ tam thiên hộ,
Hưởng động Trường An thập nhị nhai.
Viễn thú vị ư năng đảo nhĩ,
Thiên ư Hoa dịch đảo thu hoài.*

Dịch thơ:

Tiếng đập vải mùa thu ⁽¹⁾

*Trăng khuya chày vải nện sương,
Vẳng đưa khắp nẻo phố phường Trường An.
Chắc gì thấu tới ải quan,
Sứ Hoa xúi động can tràng nhớ thu.*

LỖ CÔNG dịch

(1) Nghề làm vải xưa có công đoạn dùng chày nện vải trên một tảng đá (châm) cho vải mềm mại, mỏng đẹp. Âm thanh nện vải này gợi cảm hứng rất lớn cho các thi nhân xưa, đặc biệt dùng miêu tả nỗi lòng chinh phụ nhớ chồng ngoài biên ải (chinh phụ nện vải để may áo rét gửi cho chồng).

Thu khuê

*Hương hoài đa thiếu vị thùy tằng ?
Cưỡng lí tàn trang lãnh bất thăng.
Tối thị liên niên chinh phụ tứ,
Kỉ hồi mặc tọa bốc hoa dăng.*

Dịch thơ:

Phòng khuê mùa thu

*Vì ai, thương nhớ dậy nguồn cơn?
Son phấn gương tô, lạnh thấu hồn.
Dằng dặc mối sầu lòng chinh phụ,
Hoa đèn ⁽¹⁾ mấy bận bói cô đơn...*

KIỀU VÂN dịch

(1) Hoa đèn: ngọn lửa đèn đang cháy bằng lòe sáng như hoa cải – điểm báo tin mừng.

Ngôn hoài

*Bạn tống viên biên úy giản thư,
Thiên luân thôi triệu cảm hoàng cư.
Chính sâu phi dịch vũ vô chỉ,
Khước tiểu bốn tuyên câu bất như.
Suy bỉ thuận lưu tình sở dĩ,
Kiến dư xu sự nghĩa tương ư.
Cần lao tự cổ trường sinh tế,
Hà tất cao đường tọa ủng lư (lô).*

Dịch thơ:

Tả lòng

*Quan quân hộ tống rộn ràng,
Chiếu vua triệu gấp, trễ tràng dăm dâu!
Mưa dầm đường trạm đang rầu,
Cười theo dòng suối, vó câu phải nhường (1)!
Tình người thuận với nước tuôn,
Nghĩa ta bạn với quan sơn dã dẫu (2).
Thuốc trường sinh, ấy cần lao,
Ngồi ôm lòng ấp nhà cao mà gì (3)!*

KHƯƠNG HỮU DUNG dịch

-
- (1) vì mưa lụt, ngựa đưa thư trạm chậm trễ hơn đi đường thủy.
(2) Tác giả vâng mệnh vua (Quang Trung) đi sứ Trung Hoa xin cầu phong, vì ông đi làm việc có nghĩa lớn nên mọi người hộ tống ông ai nấy đều gắng sức giúp.
(3) Tác giả lấy sự vất vả vì nước làm niềm vui sống thật sự trên đời.

Khẩu hành thục nan

*Khẩn hành dục thục thục thù nan,
Nhật dạ bồn trì mĩ cảm hoàng.
Thập thặng mã tê thiên lí nguyệt,
Bách gia kê khiếu ngũ canh sương.
Khúc quǎng vị hợp an sơ thủy,
Tuệ nhân hoàn ưng khản thục lương.
Danh lợi úy đồ đa nhiệt náo,
Thanh minh tỉnh giác tự vô phương.*

Dịch thơ:

Đi gấp khó ngủ

*Ngủ chẳng an tâm: mãi bước đường,
Đêm ngày rong ruổi dăm dưng cương.
Mười xe ngựa hí bon đường nguyệt,
Khấp xóm gà kêu đuổi bóng sương.
Chưa lúc gối tay tu nước lã ⁽¹⁾,
Hãy nên tỉnh mắt thấy kê vàng ⁽²⁾.
Con đường danh lợi đầy huyền ảo,
Tỉnh táo lòng ta vẫn nhẹ nhàng.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) Luận ngữ: người quân tử ăn cơm hẩm, uống nước lã, nằm gối lên cánh tay mà ngủ, vẫn thấy vui trong lòng.

(2) mộng hoàng lương: mộng phú quý hảo huyền.

Hà Nam đạo trung

*Thần dâng giao nguyên quả thực hà,
Lân thanh phụ tử cấp khu xa.
Mạch điền hạ thực phô hoàng tuệ,
Liễu lộ phong cao quyển bạch sa.
Cổ tục dĩ di Tang, Bộc mĩ,
Nhân văn bất tử Việt, Kinh hoa.
Tuân tư sảo quán trung châu cảnh,
Trú vĩnh, bằng hiên thiếu tử hà.*

Dịch thơ:

Dọc đường Hà Nam ⁽¹⁾

*Ráng mai treo giữa đồng bằng,
Rầm rầm ngựa kéo, xe băng dặm đường.
Lúa hè chín trĩu bông vàng,
Gió tung cát trắng giữa hàng liễu cao.
Thói xưa dâu bộc ⁽²⁾ đâu nào?
Xem chừng văn vẻ kém màu Việt, Kinh. ⁽³⁾
Trung châu quen cảnh, quen tình,
Tựa xe, dằng dẳng, sứ nhìn phương xa.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

(1) Hà Nam: tỉnh ở phía Nam sông Hoàng Hà.

(2) dâu bộc: tang gian bộc thượng (trên bộc trong dâu), nói trai gái gian dâm.

(3) Việt: Việt Đông (Quảng Đông), Kinh: đất thuộc hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc ngày xưa.

Lực tạt thư hoài

*Phong sương khởi dắc đồ quan thân,
Thân thị đông tây nam bắc nhân.
Tạo hóa sinh ngô lư vũ trụ,
Quân vương mệnh ngã chúc tì luân.
Giang sơn tại xứ hộ trì hảo,
Vũ lộ như kim ưu ốc tân.
Trung tín tự đa vô vọng hỉ,
Bất phương đầu tẩu sách tinh thần.*

Dịch thơ:

Gượng chống bệnh, viết nỗi lòng.

*Gió sương há dễ nhiễm thân này,
Nam bắc đông tây trải bấy chầy.
Vũ trụ là nhà, trời định sẵn,
Hàn lâm ấy chúc, chúa trao rầy.
Sông kia núi nọ, phù trì khắp,
Móc sớm mưa hôm, đượm thấm đây.
Trung tín một niềm tiêu bệnh tật,
Tinh thần phấn chấn tự ta đây.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

Trung thu

*Thị niên khứ tuế trung thu nguyệt,
Nhiệt Thủy, Minh Viên, vạn lí nhân.
Nga tử ngọc nhan toàn tự cựu,
Sứ Hoa ban mấn hựu thêm tân.
Thời quang cường bán tùy kim dạ,
Khách hướng thiên đa lão thử thân.
Tưởng đắc gia hương hoan tịch thượng,
Cử tôn dao vị chúc hồi nhân.*

Dịch thơ:

Trung thu

*Thu trước, thu nay, trăng mấy độ,
Vườn Minh, sông Nhiệt, khách ngàn khơi (1).
Ả Hằng mặt ngọc nguyên như cũ,
Đầu sứ hoa râu trắng nửa rồi!
Thu tiết đêm nay hơn nửa hết,
Tha hương thân khách chóng già thôi!
Quê nhà tưởng tượng đang nâng chén,
Chúc sứ xa về giữa tiệc vui.*

KHUÔNG HỮU DỤNG dịch

(1) Vườn Minh: Viên Minh Viên, một vườn hoa ở ngoại thành Bắc Kinh, nổi tiếng thế giới vì trăng lệ (do vua Khang Hi đời Thanh lập nên). Sông Nhiệt: suối nước nóng (tỉnh Nhiệt Hà).

Khách quán trung thu

*Hàn không nga kính chiếu đình giai,
Thanh ảnh dao tòng quế hải lai.
Thu sắc bán phân mang lí quá,
Hương tâm ngũ dạ mộng trung hồi.
Sương xâm sâu mấn bằng cô hạm,
Lộ yết phương tiêu đảo túy bôi.
Bồng ngạch liên niên du tử hận,
Xuân thành Lượng Khốn hựu Yên Đài.*

Dịch thơ:

Trung thu nơi quán khách

Vầng vặc gương nga rọi trước hiên,
Tỏa từ biển quế ⁽¹⁾ tận khơi miền.
Mãi mang mệnh sứ, thu vơi nửa,
Khắc khoải niềm quê mộng tới liền.
Tóc bạc sương sa sầu tựa cửa,
Giọt đồng điểm cạn dùm say men.
Lênh đênh năm tháng hồn du tử,
Xuân, Lạng, Yên Kinh ⁽²⁾ mấy dặm nghìn.

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) Trăng có cây quế. Trăng mọc từ biển lên, nên có từ “quế hải” (biển quế).

(2) Tức Phú Xuân, ải Lạng (Lạng Sơn), Yên Kinh

Khiến muộn

*Chinh bí thiều thiều khách tứ cô,
Nhận thư tam độ đáo gia vô?
Văn chương thù ứng, đàn nhân kê,
Tuế nguyệt tiêu ma, lão thế đồ.
Nhạo thủy, nhạo sơn chân hứng thú,
Vi ngư, vi mã, nhậm xưng hô.
Mạc ngôn nhai giác thiếu tri kỉ,
Tiếp thức Trung triều sĩ đại phu.*

Dịch thơ:

Giải sầu

*Vó ngựa xa xăm khách nào nùng,
Thư về ba lượt tới nhà không?
Vấn chương đẽo gọt khi thù ứng,
Năm tháng phôi pha bước ruổi rong.
Vui nước, vui non, đây thú vị,
Rừng trâu, rừng ngựa, mặc chiều lòng.
Chớ phiền thiên hạ nghèo tri kỉ,
Danh sĩ Trung triều quen biết đông.*

HUY CẬN dịch .

Như thử lương dạ hà ?

*Thiên hôn xưng thọ giả,
Tinh chủ ổn du xa.
Kiểu phách không đình nguyệt,
Phồn thanh cách bách ca.
Thu quang tùy xứ hảo.
Thế lộ lão nhân đa.
Tịch mịch hàn đăng bạn,
Hương tâm bất cảm hà.*

Dịch thơ:

Đêm đẹp này tính sao đây?

*Cửa trời nâng chúc chén đào,
Cánh bè nhẹ ruỗi bến sao xa lân.
Đầy sân trắng giãi vẻ ngân,
Cách tường nghe rộn cung cầm tiếng ca.
Sắc thu khắp nẻo nên thơ,
Đường đời lấm nổi để già lòng ai.
Bên đèn quạnh quẽ canh dài,
Khôn ngăn dạ khách ngậm ngùi niềm quê.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

***Phong phàm quá hồ,
kính dụng Lã Tiên
“lãng ngâm phi quá
Động Đình Hồ” thi cú***

*Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ,
Vân thủy thương mang sạ hữu vô.
Cự lãng mạn thiên phong tối kiện,
Khinh phàm để ngạn nhật tài bô.
Sơn am ẩn ước chung thanh viễn,
Trạch quốc uông hàm nhận ảnh cô.
Chuyển thuận yên ba tam bách lí,
Tương âm thành ngoại cực tân cô.*

Dịch thơ:

Buồm gió vượt hồ, kính dùng
câu thơ “Lãng ngâm phi quá
Động Đình hồ” của Lã Tiên ⁽¹⁾

*Bay qua hồ Động cát ngâm vang,
Mây nước mênh mông ngỗ mộng trường.
Sóng dậy lưng trời cơn gió quật,
Buồm reo cập bến lúc chiều buông.
Am non thấp thoáng hồi chuông vắng,
Mặt nước long lanh bóng nhạn vương.
Chớp mắt vượt ba trăm dặm sóng,
Rượu ngon mua chuốc mé thành Tương ⁽²⁾.*

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch

(1) Lã Tiên (Lã Động Tân) thi nhân đời Đường, tu tiên đắc đạo.

(2) Tương Âm: địa danh thuộc tỉnh Hồ Nam, gần hồ Động Đình.

Tức cảnh

I

*Hồng trần cảnh ngoại biệt cư chư,
Vũ trụ y y thái phác dư.
Huyền đặng liễu âm thùy viên phố,
Hàn phong tháp ảnh nhập song hư.
Hồ sơn hứng bãi sơ văn hạc,
Vân quán miên dư hiểu sách lư.
Thùy mệnh thử trung chân tạo hóa,
Phân minh bút chỉ kiến Hoa tư.*

Dịch thơ:

Tức cảnh

I

*Bụi hồng xa cách đám giành đua,
Quang cảnh dường như buổi thái sơ.
Lơ lửng cànhr dương trùn bến lánh,
Cheo leo bóng tháp lọt song thưa,
Chơi no hứng núi, còn nghe hạc,
Nằm chán am mây, lại cười lừa.
Trong đó nào ai là tạo hóa,
Rõ ràng như vẽ cảnh Hoa tư.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

II

*Thương mang hoang ỏ tiếp hàn sa,
Thủy tinh, phong vi, thạch thế tà.
Nhất thốc lâu dài khai thế giới,
Bán sơn thảo tụ biệt niên hoa.
Thời giao cầm vận minh xuân điệu,
Độc thiên đăng quang chiếu mộ hà.
Bĩ thái bất quan trần hải cực,
Bạch vân thâm xứ vũ tiên gia.*

Dịch thơ :

II

*Mênh mang xóm vắng, bãi sa bên,
Gió nhẹ, khe trong, đá mọc chen,
Hoa cỏ dường theo thời tiết khác,
Lâu đài riêng có cõi đời yên.
Chim xuân thánh thót thay bài nhạc,
Ráng tối lơ mơ rơi ánh đèn.
Bĩ thái cuộc đời không vương vít,
Nơi mây trắng tụ ấy nhà tiên.*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

III

Tứ đại thiên trung cánh tiểu hoàn,
Liên không nhất sắc bạch mê man.
Hoành tà viễn phố hà niên thụ,
Lạc dịch thâm lâm số tọa san (sơn).
Thủy trưởng đào thôn, ngư ổn phiếm,
Phong cao liễu dịch, điều tri hoàn.
Tiêu dao nhân tại hồng mộng thế,
Cương tỏa hồi đầu liễu bất quan.

Dịch thơ :

III

*Mảnh đất con con bốn góc trời,
 Một màu trắng xóa ngất tầng khơi.
 Ngả nghiêng bến cánh chòm cây cỏ,
 Liên tiếp rừng sâu mấy ngọn đồi.
 Nước rây thôn đào, thuyền cá lượn,
 Gió cao rặng liễu, cánh chim hồi.
 Người như rong ruổi đời mộng muội,
 Danh lợi lòng xưa giữ sạch rồi (*).*

ĐỖ NGỌC TOẠI dịch

* Chùm ba bài thơ trên mô tả đoạn đời khác hẳn thuở trước của Ngô Thì Nhậm. Lúc này triều Tây Sơn đã bước vào giai đoạn suy vong, Quang Trung đã chết, vua Cảnh Thịnh lên nối ngôi là một kẻ ươn hèn, đã để cho các đại thần lộng hành. Ngô Thì Nhậm bị thất sủng, ông theo gương của Chu An, Nguyễn Trãi xưa, lánh đời nơi hoang dã.

Xuân mộ

*Vinh khai hàn cốc chính dung dung,
Dục thí huân huyền giải uẩn phong.
Dã hữu thiều hoa hồn vị lão,
Nhất ban sinh ý bất ngôn trung.*

Dịch thơ :

Cuối xuân

*Cửa hang hoa thắm nở nhiều,
Gió nam sắp dạo khúc tiêu giải nông.
Chưa già, vẫn đượm sắc xuân:
Quanh ta cảnh vật âm thầm sinh sôi ⁽¹⁾.*

HÀI NHƯ dịch

(1) Bài thơ cho thấy quan điểm sống nhất quán suốt cuộc đời Ngô Thì Nhậm, yêu đời và nhập thế. Nếu có khi nào ông buộc phải "xuất thế", đó chỉ là hành động "tòng quyền" (xử trí một cách quyền biến) của kẻ sĩ.

Mục lục

Cùng bạn đọc	5
Cô châu	10
<i>Dịch thơ: Con thuyền đơn lẻ</i>	11
Cô tùng	12
<i>Dịch thơ: Cây tùng đơn lẻ</i>	13
Giang thiên văn thiếu	14
<i>Dịch thơ: Ngắm cảnh trời nước buổi chiều</i>	15
Nhuệ giang tịch phẩm	16
<i>Dịch thơ: Chơi đêm trên sông Nhuệ</i>	17
Vân môn tự	18
<i>Dịch thơ: Chùa Vân Môn</i>	19
Thạch Long tuyến	20
<i>Dịch thơ: Suối Thạch Long</i>	21
Cổ Miếu	22
<i>Dịch thơ: Miếu cổ</i>	23
Cổ tự	24
<i>Dịch thơ: Chùa cổ</i>	25
Giáng Hương	26
<i>Dịch thơ: Nàng Giáng Hương</i>	27
Đình tiền trì ngẫu hứng	28
<i>Dịch thơ: Ngẫu hứng về cái ao trước sân</i>	29

Phong Phạn tự tị vũ	30
<i>Dịch thơ:</i> Trú mưa ở Chùa Phong Phạn	31
Quá Chu Văn Công miếu hữu hoài	32
<i>Dịch thơ:</i> Qua miếu Chu Văn Công cảm hoài ..	33
Nhàn thuật	34
<i>Dịch thơ:</i> Thuật cảnh nhàn	35
Nguyệt dạ ngâm	36
<i>Dịch thơ:</i> Ngâm đêm trăng	37
Hữu sở tư	38
<i>Dịch thơ:</i> Có điều suy nghĩ	39
Xuân ngâm	40
<i>Dịch thơ:</i> Khúc ngâm ngày xuân	42
Khiển hoài	44
<i>Dịch thơ:</i> Khuây lòng	45
Hoài nội	46
<i>Dịch thơ:</i> Nhớ vợ	47
Quá Hoành sơn	50
<i>Dịch thơ:</i> Qua núi Hoành sơn	51
Đăng Hoành sơn vọng hải	52
<i>Dịch thơ:</i> Lên núi Hoành sơn ngắm biển	53
Lãng ngâm	54
<i>Dịch thơ:</i> Ngâm Tràn	55

Hóa Châu.....	56
<i>Dịch thơ:</i> Hóa Châu	57
Nhị bách niên tiến tiểu bá đô	58
<i>Dịch thơ :</i> II	59
Đại phong	60
<i>Dịch thơ:</i> Con gió lớn	61
Tích vũ Huyền Trân	62
<i>Dịch thơ:</i> Mưa dầm ở đảo Huyền Trân	63
Văn hải đào thanh	64
<i>Dịch thơ:</i> Nghe tiếng sóng biển.....	65
Khâm ban nhật thị Thanh Di điện cung kỉ	66
<i>Dịch thơ:</i> Kính ghi việc vua cho hằng ngày vào chầu ở điện Thanh Di	67
Tảo triều Trung Hòa điện tứ nội, độc chiến thủ tấu nghị cung kỉ	68
<i>Dịch thơ:</i> Kính ghi buổi chầu sáng sớm trong điện Trung Hòa, đọc bản tấu về chiến thủ	69
Đế ngự bình đồ	70
<i>Dịch thơ :</i> Đế tranh trên bình phong của vua ..	70
Tam cố thảo lư	71
<i>Dịch thơ :</i> Ba lần đến lều cỏ	71
Cung cận hoa	72
<i>Dịch thơ:</i> Hoa dầm bụi trong cung.....	73

Thị ngự chu quá Hà Trung hồi cung kí	74
<i>Dịch thơ:</i> Theo thuyền vua qua suối Hà Trung, kính ghi	75
Phụng chỉ trùng khai Thiên Uy cảng cung kỉ	76
<i>Dịch thơ:</i> Vâng chỉ vua mở lại cảng Thiên Uy, kính ghi	77
Cảm hứng	78
<i>Dịch thơ:</i> Cảm hứng	79
Nhật Lệ hải môn dạ phiếm	80
<i>Dịch thơ:</i> Dạo thuyền đêm trên cửa biển Nhật Lệ	81
Họa "trùng dương tiểu chúc" chi tác	82
<i>Dịch thơ:</i> Họa bài "Trùng dương tiểu chúc" ...	83
Kí lại bộ tả đồng lời phong hầu	84
<i>Dịch thơ:</i> Gửi qua lại bộ tả đồng lời phong hầu	85
Tái kinh Thiển Lâm tự	86
<i>Dịch thơ:</i> Lại đến chùa Thiển Lâm	87
Thụ Hàng thành	88
<i>Dịch thơ:</i> Thành Thụ Hàng	89
Bài ngâm mĩm miệng cười	90
Thủy thanh	93
<i>Dịch thơ:</i> Tiếng nước	93

Kinh Cát Thủy huyện văn Văn thừa tướng	94
<i>Dịch thơ:</i> Qu huyện Cát Thủy, viếng thừa tướng họ-Văn	95
Đề Ti Bà đình	96
<i>Dịch thơ:</i> Đề đình Ti Bà	97
Vạn Tùng sơn	98
<i>Dịch thơ:</i> Núi Vạn Tùng	99
Chư Cát Vũ Hầu miếu	100
<i>Dịch thơ:</i> Miếu Chư Cát Vũ Hầu	101
Quá Trường Sa ức Giả Nghị	102
<i>Dịch thơ:</i> Qua Trường Sa, nhớ Giả Nghị	103
Văn du Pha Tiên đình	104
<i>Dịch thơ:</i> Chiều thăm đình Pha Tiên	105
Dạ phục độ Xích Bích giang khẩu	106
<i>Dịch thơ:</i> Đêm, lại qua cửa sông Xích Bích ..	107
Sơn pha qui mã	108
<i>Dịch thơ:</i> Ngựa từ sườn núi về	109
Thang Âm đạo trung, thu văn dã vọng	110
<i>Dịch thơ:</i> Dọc đường Thanh Âm, ngắm đồng nội chiều thu	111
Đề Yến Thành Nhạc Vương miếu	112
<i>Dịch thơ:</i> Đề miếu Nhạc vương ở Yến Thành	113
Đề Nhạc Vũ Mục Vương miếu	114
<i>Dịch thơ:</i> Đề miếu Nhạc Vũ Mục Vương	115

Âm thái sư Tỉ Can chi mộ	116
<i>Dịch thơ:</i> Mộ Tỉ Can, thái sư nhà Ân	117
Hạo Thành	118
<i>Dịch thơ:</i> Hạo Thành	119
Yên Sơn	120
<i>Dịch thơ:</i> Yên Sơn	121
Tiên khảo sinh thần cảm tác	122
<i>Dịch thơ:</i> Cảm tác nhân ngày sinh nhật cha	123
Chiêu Quân mộ	124
<i>Dịch thơ:</i> Mộ Chiêu Quân	125
Bài hành nuôi la ở Bắc Trục	126
Thu nguyệt	128
<i>Dịch thơ:</i> Trăng thu	129
Thu thủy	130
<i>Dịch thơ:</i> Nước mùa thu	131
Thu cúc	132
<i>Dịch thơ:</i> Cúc mùa thu	133
Thu dạ	134
<i>Dịch thơ:</i> Đêm thu	135
Thu châm	136
<i>Dịch thơ:</i> Tiếng đập vải mùa thu	137
Thu khuê	138
<i>Dịch thơ:</i> Phòng khuê mùa thu	139
Ngôn hoài	140

<i>Dịch thơ: Tả lòng</i>	141
Khẩn hành thủy nan	142
<i>Dịch thơ: Đòi gấp khó ngủ</i>	143
Hà Nam đạo trung	144
<i>Dịch thơ: Dọc đường Hà Nam</i>	145
Lực tật thư hoài	146
<i>Dịch thơ: Gượng chống bệnh, viết nỗi lòng</i> ..	147
Trung thu	148
<i>Dịch thơ: Trung thơ</i>	149
Khách quán trung thu	150
<i>Dịch thơ: Trung thu nơi quán khách</i>	151
Khiển muộn	152
<i>Dịch thơ: Giải sầu</i>	153
Như thử lương dạ hà?	154
<i>Dịch thơ: Đêm đẹp này tính sao đây?</i>	155
Phong phạm quá hồ, kính dụng Lã Tiên "lãng ngâm phi quá Động Đình hồ" thi cú	156
<i>Dịch thơ: Buồm gió vượt hồ, kính dùng câu thơ "Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ" của Lã Tiên</i>	157
Túc cảnh	158
<i>Dịch thơ: Túc cảnh</i>	159
Xuân mộ	164
<i>Dịch thơ: Cuối xuân</i>	165

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC
Thơ NGÔ THÌ NHẬM
KIỀU VẪN (*Tuyển chọn*)

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc : **HUỲNH VĂN TỎI**

Tổng biên tập : **ĐẶNG TẤN HƯỚNG**

<i>Biên tập :</i>	HIẾU DŨNG
<i>Bìa & trình bày :</i>	VĂN NGUYỄN
<i>Sửa bản in :</i>	HIẾU DŨNG - KIỀU VẪN
<i>Thực hiện :</i>	TRẦN TUẤN

In 1000 cuốn, khổ 10 x 18 cm tại Xí nghiệp in số 4.
Số đăng ký KHXB : 118 VH/ĐN/209 Cục Xuất bản
cấp ngày: 20-03-1999. Quyết định xuất bản số :
626 ngày 23-11-99. In xong và nộp lưu chiểu quý 1-
2000.

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

- Thơ văn Nguyễn Trãi
- Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm
- Chinh phụ ngâm
Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm
- Cung oán ngâm khúc
Nguyễn Gia Thiều
- Thơ Ngô Thì Nhậm
- Truyện Kiều
Nguyễn Du
- Thơ Hồ Xuân Hương
- Thơ văn Nguyễn Công Trứ
- Thơ Cao Bá Quát
- Thơ Nguyễn Khuyến
- Thơ Tú Xương
- Lục Vân Tiên
Nguyễn Đình Chiểu
- Thơ Tản Đà
- Thơ văn Phan Bội Châu
- Thơ Thế Lữ
- Thơ Hàn Mặc Tử
- Thơ Bích Khê
- Thơ Lưu Trọng Lư
- Thơ tình Xuân Diệu
- Thơ Huy Cận
- Thơ tình Nguyễn Bính
- Thơ Vũ Hoàng Chương
- Nhật Kí Trong tù
và những bài thơ khác
Hồ Chí Minh
- Thơ Tố Hữu
- Thơ Hoàng Cầm
- Thơ Tế Hanh
- Thơ Hồ Dzếnh
- Thơ Đinh Hùng
- Thơ Nguyên Sa
- Thơ Xuân Quỳnh
- Thơ Trần Đăng Khoa

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU

Gia

9 00